

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ**

Số: 04 /TTr-ĐHNCT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cần Thơ, ngày 24 tháng 05 năm 2023

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị cho phép đào tạo trình độ đại học hệ chính quy
ngành Y học dự phòng (mã số: 7720110)**

**Kính gửi: - Vụ Giáo dục Đại học – Bộ GD&ĐT
- Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo – Bộ Y tế**

Trường Đại học Nam Cần Thơ được thành lập ngày 25/01/2013 theo Quyết định số 230/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoạt động đào tạo theo quyết định số 1335/QĐ-BGDĐT ngày 12 tháng 4 năm 2013.

Trường có trụ sở chính tại số 168, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài) Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ với diện tích đất được quy hoạch trên 30,8 hecta và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học hơn 62.500 m² đáp ứng được nhu cầu đào tạo học tập của trên 19.000 sinh viên và học viên

Trường Đại học Nam Cần Thơ (DNC) luôn hướng tới xây dựng thành một trường ĐH tiên tiến về chất lượng đào tạo và chuyển giao các thành quả nghiên cứu khoa học cơ bản ứng dụng vào các hoạt động thực tiễn.

Trường ĐH Nam Cần Thơ đã được phép đào tạo 35 ngành: Dược học, Kế toán, Tài chính – Ngân hàng, Quản trị Kinh doanh, Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, Quản lý đất đai, Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Quan hệ Công chúng (PR), Kỹ thuật xây dựng, Kiến trúc, Luật Kinh tế, Công nghệ kỹ thuật ô tô, Xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Công nghệ thực phẩm... Ngoài ra, Trường còn kết hợp đào tạo liên thông với các trường ĐH trên thế giới. Trường đã xây dựng thư viện điện tử khá hiện đại phục vụ tra cứu tài liệu qua mạng Internet.

Sau hơn 10 năm xây dựng và phát triển, đến nay Trường đã có trên 7.000 sinh viên ra trường thuộc các ngành đào tạo như Tài chính – Ngân hàng, Kế toán, Quản trị kinh doanh, Dược học, Luật kinh tế, Quan hệ công chúng, Công nghệ thực phẩm, Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật ô tô,... đóng góp vào sự phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao theo nhu cầu xã hội của cả nước.

Trước nhu cầu học tập và yêu cầu cần thiết cung cấp nguồn nhân lực có trình độ sau đại học, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh phía Nam, nhất là vùng Đồng Bằng sông Cửu Long. Trường Đại Nam Cần Thơ đã có sự đầu tư, chuẩn bị cho việc đào tạo ngành Y học dự phòng trình độ đại học hệ chính quy.

Hiện nay, Trường Đại học Nam Cần Thơ đã ổn định bộ máy hoạt động và đầu tư cơ sở vật chất, các trang thiết bị, tài liệu giảng dạy, học tập hiện đại. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của nhà trường hiện nay là 807 người. Đây là đội ngũ giảng viên có nhiều kinh nghiệm giảng dạy tại các trường đại học, giàu nhiệt huyết và có tâm với nghề. Bên cạnh đó, còn có sự tham gia đào tạo của đội ngũ giảng viên mời giảng có trình độ cao, có kinh nghiệm đào tạo.

Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh trong năm đầu tiên là 50 sinh viên, sau đó mỗi năm tăng khoảng 10%. Như vậy sau 05 năm đào tạo, số lượng sinh viên ngành Y học dự phòng tại trường có khoảng 280 sinh viên.

Trên cơ sở chuẩn bị đội ngũ giảng viên cơ hữu và giảng viên mời giảng cùng cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu đào tạo trình độ đại học, Trường Đại Nam Cần Thơ kính trình Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét cho phép Trường đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành Y học dự phòng. Toàn bộ nội dung hồ sơ đề nghị cho phép đào tạo đã được đưa lên trang web của cơ sở đào tạo tại địa chỉ: www.nctu.edu.vn.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TC-HC.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Văn Quang

PHẦN 1: SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Giới thiệu về cơ sở đào tạo

Trường Đại học Nam Cần Thơ được thành lập ngày 25/01/2013 theo quyết định số 230/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Trường có trụ sở chính tại số 168, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài) Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ với diện tích đất được quy hoạch trên 30,8 hecta và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học hơn 62.500 m² đáp ứng được nhu cầu đào tạo học tập của trên 12.000 sinh viên.

Hiện nay, Trường Đại học Nam Cần Thơ đã xây dựng hoàn thành hệ thống cơ sở hạ tầng kiến trúc qui hoạch thống nhất bao gồm: hệ thống khu nhà hiệu bộ, khu giảng đường lý thuyết, phòng học ngoại ngữ, tin học, cùng với các phòng thực hành thí nghiệm phục vụ nhu cầu nghiên cứu và học tập của sinh viên và học viên.

Cuối năm 2014, Trường ĐH Nam Cần Thơ đã đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng Khu ký túc xá với diện tích hơn 10.000 m² được xây dựng theo mô hình khu phức hợp khép kín, hiện đại dành cho HSSV với nhiều loại hình dịch vụ như: phòng đọc sách, phòng internet... với diện tích hơn 10.000m², có sức chứa khoảng 1.500 HSSV, đáp ứng nhu cầu nội trú của HSSV tại trường.

Vào tháng 10/2015, Trường đã đưa vào sử dụng khu Hiệu bộ, giảng đường hiện đại được xây dựng trong khuôn viên rộng 50.500m², có diện tích sàn sử dụng 10.800m². Tổng vốn đầu tư khoảng 55 tỉ đồng.

Nhân dịp Lễ khai giảng năm học 2016 – 2017, công trình Khu giảng đường, phòng học khối chữ I được xây dựng với tổng diện tích sàn xây dựng hơn 10.000m², gồm 04 tầng nổi và 01 tầng hầm cũng được khánh thành đưa vào sử dụng.

Cuối tháng 9/2017 trường Đại học Nam Cần Thơ đã đưa vào sử dụng công trình Thư viện điện tử với lõi kiến trúc hiện đại, ứng dụng đồng bộ các giải pháp công nghệ tự động trong quản lý, vận hành và các tiện ích sáng tạo truyền cảm hứng cho người đọc, nghiên cứu khoa học. Trung tâm Thư viện điện tử Trường Đại học Nam Cần Thơ được xây dựng với quy mô một trệt, ba lầu. Diện tích sử dụng trên 4.200m², kinh phí đầu tư trên 50 tỷ đồng, cùng lúc phục vụ 2.000 người đọc... Công trình xây dựng Trung tâm Thư viện điện tử Trường Đại học Nam Cần Thơ là dự án quan trọng góp phần phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Dự án không chỉ góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng, mà còn là bước

đi quan trọng để Đại học Nam Cần Thơ hoàn thiện mô hình xây dựng Trường trở thành Trường Đại học theo hướng nghiên cứu ứng dụng.

Để phục vụ nhu cầu đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô và ngành Kỹ thuật cơ khí động lực, trường Đại học Nam Cần Thơ cũng đã xây dựng nhà xưởng thực thành Cơ khí – ô tô tại khuôn viên nhà trường với diện tích hơn 1.200 m², công trình đã được khánh thành và đã đưa vào sử dụng trong tháng 07/2018. Mặt khác, nhà trường cũng đang xây dựng Showroom ô tô Nam Cần Thơ DNC tại đường song hành, quốc lộ 1A, khu dân cư Hồng Loan – Quận Cái Răng – Tp.Cần Thơ, diện tích sàn xây dựng 5.400m² với tổng vốn đầu tư hơn 150 tỷ đồng. Tháng 03/2020 Showroom ô tô Nam Cần Thơ DNC đã khánh thành đưa vào sử dụng. Showroom ô tô Nam Cần Thơ DNC là nơi thực hành thực tập cho sinh viên thuộc khối ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô nói riêng và các ngành thuộc khối ngành Cơ khí động lực nói chung.

Sáng ngày 24/7/2018, Trường Đại học Nam Cần Thơ đã làm lễ khởi công xây dựng Khối thực hành đa chức năng và khởi công xây dựng Hồ bơi DNC tại trường. Khối thực hành đa chức năng của Trường Đại học Nam Cần Thơ được xây dựng với quy mô 01 tầng hầm, 01 tầng trệt, 04 tầng lầu và 01 tầng thượng. Diện tích sàn xây dựng 14.800m², tổng kinh phí đầu tư 150 tỷ đồng, do Trường Đại học Nam Cần Thơ làm chủ đầu tư và Tập đoàn Nam Miền Nam là nhà thầu thi công. Công trình được thi công trong thời gian dự kiến là 18 tháng. Khối thực hành đa chức năng của Trường Đại học Nam Cần Thơ là dự án quan trọng góp phần phục vụ công tác giảng dạy, đào tạo thực hành – thí nghiệm và nghiên cứu khoa học, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng, bước đi quan trọng để DNC hoàn thiện mô hình xây dựng Trường trở thành Trường Đại học theo hướng nghiên cứu ứng dụng, mô hình thành lập doanh nghiệp trong trường học.

Để phục vụ nhu cầu học tập, thực hành – thực tập cho sinh viên khối ngành sức khỏe cũng như đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân, ngày 05/12/2018, Trường Đại học Nam Cần Thơ đã khởi công xây dựng Bệnh viện Đa khoa Nam Cần Thơ tại khu dân cư Nam Cần Thơ với tổng vốn đầu tư hơn 800 tỉ đồng. Bệnh viện Đa khoa Nam Cần Thơ có 09 tầng với quy mô 300 giường bệnh (Giai đoạn 1 xây dựng 200 giường và giai đoạn 2 xây dựng 100 giường) có diện tích xây dựng gần 25.000m². Bệnh viện Đa khoa Nam Cần Thơ đã đưa vào sử dụng vào tháng 6 năm 2022.

2. Kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ đại học ngành Y học dự phòng

Y học dự phòng là cầu nối giữa y học và y tế công cộng. Trong khi y học quan tâm đến chẩn đoán và điều trị bệnh cho một cá thể thì y tế công cộng quan tâm nhiều hơn đến phòng bệnh và nâng cao sức khỏe cho cộng đồng. Mục tiêu hàng đầu của y học dự phòng là nâng cao sức khỏe của cá nhân, gia đình và cả cộng đồng. Nhân lực ngành y tế nói chung và nhân lực y học dự phòng (YHDP) nói riêng đóng vai trò quan trọng trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. Tuy nhiên công tác đào tạo, tuyển dụng và sử dụng nhân lực cho hệ thống YHDP đang là vấn đề cấp thiết và chưa đáp ứng được nhu cầu trong xây dựng Quy hoạch, Chiến lược và Chính sách của ngành y tế.

Thực tế cho thấy, trong những năm qua, Việt Nam đã khống chế thành công nhiều dịch bệnh nguy hiểm, mới nổi như dịch SARS năm 2003, dịch cúm A/H5N1, H1N1 năm 2009...và đặc biệt trong giai đoạn này, chúng ta đã thành công đẩy lùi từng đợt sóng của dịch bệnh COVID-19, dịch bệnh đã khiến 139 triệu người mắc và gần 3 triệu trường hợp tử vong tại 219 quốc gia, vùng lãnh thổ. Tuy đạt được nhiều thành công song trong lĩnh vực đào tạo y tế dự phòng, cả nước chỉ có 10 trường đào tạo bác sĩ y học dự phòng, 13 trường đào tạo cử nhân y tế công cộng, hàng năm một số lượng lớn nhân lực y tế dự phòng được đào tạo, tốt nghiệp, tuy nhiên số lượng nhân lực cán bộ làm trong lĩnh vực này chưa đáp ứng được nhu cầu nhân lực ở cả trung ương và địa phương. Theo TS Hoàng Minh Đức, Phó Cục trưởng Cục Y tế dự phòng, Bộ Y tế cho biết: “Tổng số cán bộ y tế dự phòng từ trung ương đến tuyến huyện khoảng 17.100 người, chiếm 42% so với nhu cầu nhân lực cần có. Số nhân lực thiếu hụt là khoảng 23.800 người, trong đó bác sĩ thiếu 8075 người, cử nhân y tế công cộng thiếu 3.993 người. Nguồn nhân lực y tế dự phòng vừa thiếu vừa yếu, nhiều bác sĩ hệ y tế dự phòng từ hệ điều trị chuyển sang, thiếu những người được đào tạo chính quy”.

Trong giai đoạn phát triển của trường từ 2013 – 2023, trường đã có kinh nghiệm trong đào tạo lĩnh vực sức khỏe các ngành như: Y khoa, Dược, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Quản lý bệnh viện, kỹ thuật y sinh & trường đã xây dựng và đưa vào hoạt động Bệnh viện Đại học Nam Cần Thơ, Viện nghiên cứu – đào tạo khoa học sức khỏe. Từ những điều kiện thực tế, kinh nghiệm trong đào tạo lĩnh vực ngành sức khỏe và quan trọng nhất là thiếu hụt về nguồn nhân lực trong Y học dự phòng; Trường Đại học Nam Cần Thơ đề xuất mở ngành

Y học dự phòng là hết sức cần thiết trong giai đoạn phát triển nguồn nhân lực ngành y tế trong khu vực ĐBSCL nói riêng và cả nước nói chung để ngày càng hoàn thiện hệ thống y tế, nhu cầu chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

3. Khoa Y - Đơn vị quản lý chuyên môn ngành Y học dự phòng

Khoa Y Trường ĐHNCT là một trong những Khoa phát triển đóng góp cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo chung của Nhà trường, đang đảm nhiệm 05 ngành đào tạo trình độ đại học hệ chính quy và vừa làm vừa học: Y khoa, Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm Y học (KTXNYH), Cử nhân Kỹ thuật Hình ảnh Y học, Quản lý bệnh viện và ngành Kỹ thuật y sinh.

Khoa Y thuộc Trường Đại học Nam Cần Thơ có tiền thân là Khoa Y Dược thuộc trường Đại học Nam Cần Thơ, được thành lập theo quyết định số 34/QĐ-CTHĐQT-ĐHNCT vào tháng 07 năm 2017. Ngày 20 tháng 03 năm 2018, trường thành lập Khoa Y từ việc tách Khoa Y – Dược. Khoa Y được thành lập bao gồm 8 liên bộ môn cơ sở: Vi sinh – ký sinh trùng, Sinh lý – Sinh lý bệnh, Giải phẫu, Mô phôi – Giải phẫu bệnh, Hóa sinh, Huyết học, Sinh học, Hóa cơ bản và 5 bộ môn lâm sàng: Nội, Ngoại, Sản, Nhi, Nhiễm. Những bộ môn được giao nhiệm vụ đào tạo cử nhân bậc đại học và các ngành Xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh Y học và Y đa khoa. Với mục tiêu đào tạo ra nguồn nhân lực về lĩnh vực chăm sóc sức khỏe có chất lượng cao, phù hợp với nhu cầu xã hội và định hướng phát triển kinh tế - xã hội cho khu vực ĐBSCL và các tỉnh phía nam, tập thể đội ngũ cán bộ Khoa Y đã không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, phát triển công nghệ trong lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Kể từ ngày thành lập, Khoa Y thực hiện đào tạo 02 khối ngành là Cử nhân KTXNYH và Cử nhân Kỹ thuật Hình ảnh Y học. Năm 2018, Khoa Y thực hiện đào tạo và tuyển sinh khoá đầu ở khối ngành Y khoa, quản lý bệnh viện và Kỹ thuật y sinh. Mặt khác, Khoa Y còn hỗ trợ giảng dạy cho sinh viên khối ngành Dược đang theo học ở nhà trường ở các môn Đại cương và cơ sở của khối ngành sức khỏe. Là khoa vừa mới hình thành, nhưng đội ngũ giảng viên, kỹ thuật viên và sinh viên của khoa luôn ý thức cố gắng hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao và từng bước phát triển vững mạnh thông qua các mục tiêu được đề ra. Trải qua chặng đường hơn 5 năm xây dựng và phát triển, Khoa Y đã đạt nhiều thành tựu trong giảng dạy, NCKH, chuyển giao công nghệ, không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo trong mọi mặt hoạt động. Sứ mạng của Khoa Y là “Cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực chất lượng cao theo định hướng nghiên cứu kết hợp thực hành đáp ứng nhu cầu phát triển chất lượng, hiệu quả và bền vững; tạo môi trường thuận lợi để sáng tạo, nuôi dưỡng, phát triển tài năng trong các lĩnh vực sức khỏe”.

Khoa Y hiện có 13 bộ môn và Văn phòng Khoa, Hiện tại Khoa Y phụ trách đào tạo 04 ngành đại học: Y khoa, Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm Y học, Cử nhân Kỹ thuật Hình ảnh Y học, Quản lý bệnh viện. Hàng năm Khoa Y quản lý bình quân khoảng 3000 SV đại học.

4. Lý do chính cho việc xin phép đào tạo:

Căn cứ vào các phân tích về cung và cầu của xã hội và chiến lược phát triển của Khoa Y - Trường Đại học Nam Cần Thơ đề nghị Bộ GD&ĐT cho phép được mở chương trình đào tạo Y học dự phòng trình độ đại học hệ chính quy với các lý do chính như sau:

- Đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực về chăm sóc sức khỏe người nhân, nhu cầu về phòng bệnh và nâng cao sức khỏe cho cộng đồng trong khu vực ĐBSCL và toàn khu vực.
- Phù hợp với chiến lược phát triển của khoa Y, của trường Đại học Nam Cần Thơ về phát triển các ngành đào tạo sức khỏe nhằm nâng cao chất lượng về chăm sóc sức khỏe người dân khu vực ĐBSCL và trên cả nước.
- Phù hợp với điều kiện phát triển của trường. Việc xây dựng Trung tâm nghiên cứu sức khoa học sức khỏe & bệnh viện Đại học Nam Cần Thơ đã đáp ứng được nhu cầu học tập, thực hành, nghiên cứu khoa học cho sinh viên khối ngành sức khỏe.

Từ những phân tích về nhu cầu nguồn nhân lực và nhu cầu phát triển của nhà trường ở trên đã chứng minh được nhu cầu phát triển nguồn nhân lực ngành Y học dự phòng và khả năng đáp ứng chất lượng đào tạo của trường Đại học Nam Cần Thơ. Vì vậy việc đề xuất mở ngành đào tạo ngành Y học dự phòng là việc hết sức cần thiết.

PHẦN 2: NĂNG LỰC ĐÀO TẠO CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1. Khái quát quá trình đào tạo

Sau hơn 10 năm thành lập và phát triển, Nhà trường đã được phép đào tạo Đại học 35 ngành hệ chính quy tập trung dài hạn và 03 ngành liên thông chính quy từ Trung cấp chuyên nghiệp và cao đẳng lên Đại học ngành Dược, 06 ngành thạc sĩ Quản trị kinh doanh; Luật kinh tế, Dược lý và Dược lâm sàng, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật ô tô, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, 01 ngành trình độ tiến sĩ và 01 chương trình liên kết với trường Đại học Khoa học và Công nghệ Malaysia (MUST) đào tạo cử nhân ngành Quản trị kinh doanh.

Hiện nay, tất cả các khóa, ngành đều được tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ. Sau mỗi học kỳ, công tác đánh giá xếp loại học tập sinh viên được thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế. Hoạt động quản lý giảng dạy được thực hiện quy củ, giảng viên áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực và đã được sinh viên hưởng ứng, chú tâm trong học tập.

2. Đội ngũ giảng viên và cán bộ cơ hữu:

Hiện nay, Trường Đại học Nam Cần Thơ đã ổn định bộ máy hoạt động và đầu tư cơ sở vật chất, các trang thiết bị, tài liệu giảng dạy, học tập hiện đại. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của nhà trường hiện nay là 807 người. Đây là đội ngũ giảng viên có nhiều kinh nghiệm giảng dạy tại các trường đại học, giàu nhiệt huyết và có tâm với nghề. Bên cạnh đó, còn có sự tham gia đào tạo của đội ngũ giảng viên mời giảng có trình độ cao, có kinh nghiệm đào tạo.

Về hợp tác trong đào tạo, Trường có các chương trình, dự án, kế hoạch về hợp tác quốc tế phù hợp với tổng thể chiến lược phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh Tây Nam Bộ: Ngay từ năm 2013 đã phối hợp cùng với trường ĐH Ngân Hàng Tp Hồ Chí Minh triển khai đào tạo thạc sĩ tại Trường ĐH Nam Cần Thơ; Tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học cùng với các cấp chính quyền nhằm phục vụ định hướng phát triển chiến lược; Đề xuất và triển khai đề án hỗ trợ phát triển năng lực giảng dạy tiếng Anh cho giáo viên THPT địa bàn Tp Cần Thơ;

Trường đã ký biên bản ghi nhớ liên kết đào tạo với ĐH khoa học công nghệ Malaysia, sẽ tiến hành các chương trình đào tạo tiếng Anh, dự bị đại học, đại học và sau đại học theo tiêu chuẩn quốc tế. Hai bên xúc tiến trao đổi cán bộ đào tạo (các giáo sư, giảng viên hoặc các nhà nghiên cứu), trao đổi sinh viên (ở bậc ĐH và sau đại học), trao đổi và chia sẻ các thông tin và tài liệu tham khảo liên quan

đền đào tạo, trao đổi các ấn phẩm đào tạo xuất bản định kỳ, liên kết tổ chức các chương trình nghiên cứu. Ngày 22/9/2017 được BGDDT cho phép thực hiện chương trình liên kết đào tạo và cấp bằng cử nhân ngành Quản trị kinh doanh với ĐH công nghệ Malaysia (MUST) bằng công văn số 3712/QĐ-BGDDT.

Tập đoàn Nam Miền Nam hoạt động đa lĩnh vực, đa ngành nghề là đối tác chiến lược, toàn diện trong việc tổ chức đào tạo theo hướng ứng dụng với Trường ĐH Nam Cần Thơ. Tập đoàn là cơ sở tiếp nhận sinh viên thực tập, thực hiện nghiên cứu ứng dụng và triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh thực tiễn.

3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

Hệ thống cơ sở vật chất khang trang hiện đại, hiện nay trường đang đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất giai đoạn 2. Trường hiện sở hữu hệ thống khu hiệu bộ, khu giảng đường (Dãy A, B, C, D, T, E), phòng học ngoại ngữ, tin học, trung tâm thực hành thí nghiệm, xưởng cơ khí ô tô, Viện nghiên cứu và phát triển dược liệu, Bệnh viện đa khoa Nam Cần Thơ, trung tâm công nghệ phần mềm, trung tâm nghiên cứu khoa học sức khỏe...trên tổng diện tích đất hơn 30 hecta, đáp ứng được nhu cầu đào tạo học tập của trên 19.000 sinh viên và học viên.

4. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Công tác nghiên cứu khoa học được nhà trường đặc biệt quan tâm, thời gian qua luôn nỗ lực thúc đẩy cho công tác nghiên cứu khoa học trong đội ngũ giảng viên, cán bộ - công nhân viên của nhà trường.

Nhà trường luôn tích cực hợp tác với các trường, viện để thúc đẩy công tác nghiên cứu khoa học trong thời gian qua, cụ thể tiến hành hợp tác với Viện Kinh tế TP.HCM, Viện kinh tế - Xã hội Cần Thơ, ĐH Cần Thơ và Tp. Cần Thơ để thực hiện được 1 đề tài nghiên cứu khoa học cấp thành phố năm 2015 **“Chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế TP. Cần Thơ phù hợp với toàn cầu hóa và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới và khu vực tầm nhìn đến năm 2030”**. Thực hiện nhiều đề tài cấp cơ sở và tổ chức 2 hội thảo khoa học, và nhiều công trình nghiên cứu được công bố trên tạp chí và kỷ yếu hội thảo.

Nhà trường đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo với quy mô lớn và in thành các kỷ yếu. Sau hơn 07 năm hoạt động Trường cũng đã được Bộ Thông tin truyền thông cấp giấy phép phát hành **“Tạp chí khoa học và kinh tế phát triển”** từ năm 2017 (mã số ISSN: 2588 1272).

Để phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học và phát triển các sản phẩm từ dược liệu, nhà trường đã thành lập Viện Nghiên cứu và Phát triển Dược liệu vào ngày 31 tháng 07 năm 2018. Tính đến tháng 12/2020 Viện đã nghiên cứu thành công và đưa ra thị trường 02 sản phẩm bảo vệ sức khỏe là DNC NAMCTGU và DNC GAN. Các sản phẩm này đều được Cục An toàn Thực phẩm - Bộ Y tế xét duyệt và công nhận.

5. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

Trường có các chương trình, dự án, kế hoạch về hợp tác quốc tế phù hợp với tổng thể chiến lược phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh Tây Nam Bộ: Ngay từ năm 2013 đã phối hợp cùng với trường ĐH Ngân Hàng Tp Hồ Chí Minh triển khai đào tạo thạc sĩ tại Trường ĐH Nam Cần Thơ; Tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học cùng với các cấp chính quyền nhằm phục vụ định hướng phát triển chiến lược; Đề xuất và triển khai đề án hỗ trợ phát triển năng lực giảng dạy tiếng Anh cho giáo viên THPT địa bàn Tp Cần Thơ;

Trường đã ký biên bản ghi nhớ liên kết đào tạo với ĐH khoa học công nghệ Malaysia, sẽ tiến hành các chương trình đào tạo tiếng Anh, dự bị đại học, đại học và sau đại học theo tiêu chuẩn quốc tế. Hai bên xúc tiến trao đổi cán bộ đào tạo (các giáo sư, giảng viên hoặc các nhà nghiên cứu), trao đổi sinh viên (ở bậc ĐH và sau đại học), trao đổi và chia sẻ các thông tin và tài liệu tham khảo liên quan đến đào tạo, trao đổi các ấn phẩm đào tạo xuất bản định kỳ, liên kết tổ chức các chương trình nghiên cứu. Ngày 22/9/2017 được BGDĐT cho phép thực hiện chương trình liên kết đào tạo và cấp bằng cử nhân ngành Quản trị kinh doanh với ĐH công nghệ Malaysia (MUST) bằng công văn số 3712/QĐ-BGDĐT.

Tập đoàn Nam Miền Nam hoạt động đa lĩnh vực, đa ngành nghề là đối tác chiến lược, toàn diện trong việc tổ chức đào tạo theo hướng ứng dụng với Trường ĐH Nam Cần Thơ. Tập đoàn là cơ sở tiếp nhận sinh viên thực tập, thực hiện nghiên cứu ứng dụng và triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh thực tiễn.

Ngoài ra Trường đã và đang tiếp nhận các tình nguyện viên nước ngoài đến giảng dạy tiếng Anh cho Sinh viên của Trường. Trường cũng đã ký Hợp đồng nguyên tắc liên kết đào tạo đại học, Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh với Trường Đại học Khoa học và Công Nghệ Malaysia (MUST), đây là bước đánh dấu sự phát triển trong hợp tác quốc tế của trường.

STT	Cơ quan, tổ chức	Thời gian làm việc	Nội dung hoạt động chính
1	Đại diện của CNN International Language Philippines tại Việt Nam	18/4/2018	Trao đổi về các chương trình hợp tác trong lĩnh vực du học và trao đổi ngoại ngữ cho sinh viên
2	Chương trình Fulbright tại Việt Nam	22/5/2018	Phái đoàn ngoại giao Hoa kỳ tại Việt Nam thông báo tuyển chọn ứng viên đủ tiêu chuẩn cho Chương trình học giả Fulbright Việt Nam 2019
3	Trường Đại học Future Generation, Hoa Kỳ	10/7-13/8/2018	Hỗ trợ và tập huấn cho Hội thảo “Tập huấn về kỹ năng giảng dạy tiếng Anh dành cho giáo viên Anh ngữ các trường phổ thông TP. Cần Thơ” – Lần thứ 3
4	Trường Đại học Khoa học và công nghệ Malaysia (MUST)	11/9/2018	Đại diện trường ĐH MUST đến thăm, dự lễ khai giảng của Trường ĐHNCT đồng thời thảo luận kế hoạch tuyển sinh cho lớp liên kết đào tạo cử nhân chuyên ngành QTKD quốc tế
5	Tổ chức ACT Health và Trường ĐH Griffith University, Úc	29/9/2018	Nghiên cứu tiềm năng hợp tác, phát triển trong lĩnh vực sức khỏe cộng đồng, các công việc liên quan đến khối ngành sức khỏe giữa các viện Nghiên cứu, Sở ban ngành, Cơ quan đại diện Chính phủ của 2 nước Úc và Việt Nam. Đoàn chuyên gia Úc mong muốn tìm kiếm cơ hội hợp tác ở khu vực ĐBSCL, đặc biệt là trường ĐHNCT
6	Trường Đại học Khoa học và công nghệ Malaysia (MUST)	01/10-12/12/2018	Thực hiện công tác giảng dạy tại trường ĐHNCT theo chương trình liên kết đào tạo cử nhân chuyên ngành QTKD quốc tế
7	Giảng viên âm nhạc người Đức	02/10/2018	Chuyên gia âm nhạc người Đức mong muốn hợp tác với trường ĐHNCT về việc nghiên cứu tiềm năng hợp tác, phát triển trong lĩnh vực âm nhạc

STT	Cơ quan, tổ chức	Thời gian làm việc	Nội dung hoạt động chính
8	Trường Cao đẳng Douglas College, Canada	15/10/2018	Thảo luận về chương trình trao đổi sinh viên, tạo điều kiện cho sinh viên trường ĐHNCT có cơ hội du học ngắn hạn tại Douglas College trong vòng 03 tháng nhằm trao đổi kỹ năng ngoại ngữ
9	Trường Đại học Tasmania, Úc	16/01/2019	Mở rộng mối quan hệ hợp tác quốc tế và nghiên cứu khoa học, học thuật trong lĩnh vực Y Khoa; thảo luận chuyên sâu về vấn đề chẩn đoán và phòng ngừa bệnh tim mạch, tìm hiểu về giáo dục đối với các chuyên ngành thuộc khối sức khỏe của Úc và ký kết MOU hợp tác
10	Trường Đại học Khoa học và công nghệ Malaysia (MUST)	20-21/02/2019	Đại diện của Trường ĐH MUST đến thăm, tổ chức lễ phát chứng chỉ hoàn thành khóa học tiếng Anh dự bị cho sinh viên lớp liên kết đào tạo cử nhân chuyên ngành QTKD, đồng thời làm việc với HĐQT và BGH về kế hoạch bố trí giảng viên giảng dạy cho các học kỳ chính thức
11	Trường Đại học Future Generation, Hoa Kỳ	15-30/3/2019	Hỗ trợ tổ chức Hội thảo “Tập huấn về kỹ năng dạy Anh ngữ dành cho giáo viên Anh ngữ các trường phổ thông TP. Cần Thơ” – Lần thứ 3
12	Trường Đại học National Quemoy University, Đài Loan	26/3/2019	Nhằm mục đích mở rộng mối quan hệ HTQT, NCKH, thảo luận về việc liên kết CTĐT bậc đại học và ký kết MOU trong các lĩnh vực như kinh tế, xã hội, sức khỏe, giáo dục, môi trường
13	Trường ĐH Nam Cần Thơ	01-03/4/2019	Đại diện Trường ĐHNCT đến thăm và làm việc theo lời mời của Trường Đại học thuộc Viện Phát triển và Quản lý Quốc gia Thái Lan (ICO

STT	Cơ quan, tổ chức	Thời gian làm việc	Nội dung hoạt động chính
			NIDA), đồng thời ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác (MOU)
14	Trường Đại học thuộc viện Phát triển và Quản lý Quốc gia Thái Lan (ICO NIDA)	22/5/2019	Nhằm mục đích mở rộng mối quan hệ HTQT, NCKH và ký kết MOU về vấn đề hợp tác đào tạo và nghiên cứu phát triển nguồn nhân lực
15	Trường Đại học Future Generation, Hoa Kỳ	05-17/8/2019	Tổ chức Hội thảo tập huấn về kỹ năng dạy Anh ngữ dành cho giáo viên Anh ngữ tại các Trường Phổ thông TP.Cần Thơ – Lần thứ 4
16	Trường Đại học Khoa học và công nghệ Malaysia (MUST)	05-18/9/2019	Đánh giá tình hình dạy và học của lớp 18 MUST tại trường ĐHNCT
17	- Trường IUBAT Baladesh	16/11/2019	- Tổ chức Hội thảo khoa học quốc tế “Phát triển thương mại và khoa học, công nghệ vùng ĐBSCL trong bối cảnh hội nhập quốc tế” - Trao đổi, thảo luận về chương trình hợp tác đào tạo cử nhân và ký kết biên bản ghi nhớ
	- Trường Montpellier Business Pháp		
	- ICO NIDA Thái Lan		
18	Đại học Thương mại Pháp – Montpellier Business School	17/01/2020	Ký kết thỏa thuận hợp tác về trao đổi sinh viên, liên kết đào tạo song bằng
19	Trường Đại học Khoa học và công nghệ Malaysia (MUST)	04-05/3/2020	Bàn về chương trình liên kết đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh năm học 2018, 2019 và kế hoạch cho năm 2020, đồng thời trao chứng chỉ cho sinh viên hoàn thành khóa học tiếng Anh tăng cường
20	Tổng lãnh sự quán Hoa Kỳ tại TP. Hồ Chí Minh	17/11/2020	Giới thiệu các chương trình trao đổi giáo dục, học bổng sau đại học, chương trình trao đổi giáo dục Thủ lĩnh trẻ Đông Nam Á cho sinh viên
21	Đại sứ quán Cộng hòa Pháp tại Việt Nam	17/3/2021	Đoàn đến thăm và làm việc với lãnh đạo Trường Đại học Nam Cần Thơ

STT	Cơ quan, tổ chức	Thời gian làm việc	Nội dung hoạt động chính
22	Trường Đại học Khoa học và công nghệ Malaysia (MUST)	Tháng 8/2022	Làm việc về chương trình liên kết đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh và chuẩn bị cho lễ tốt nghiệp của sinh viên lớp liên kết khóa đầu tiên
23	Trường Đại học Bournemouth, Anh Quốc	20/10/2022	Đến thăm và làm việc nhằm triển khai các hoạt động hợp tác giữa Trường ĐHNCT và Trường Đại học Bournemouth, Vương Quốc Anh, đồng thời tăng cường hợp tác - giao lưu học thuật với các nhà khoa học trên thế giới

PHẦN 3: CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

1. Thông tin về ngành đào tạo

Tên ngành	: Y học dự phòng
Mã số	: 7720110
Tên chương trình	: Chương trình đào tạo Y học dự phòng
Trình độ đào tạo	: Đại học
Loại hình đào tạo	: Chính quy
Bậc học sau ĐH:	- Thạc sĩ, CKI. Y học dự phòng - Tiến sĩ Y học dự phòng

1.1. Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo:

Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 “Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ”.

Luật giáo dục số 43/2019/QH14, ngày 14 tháng 6 năm 2019; Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Thông tư: 08/2021/TT-BGDĐT về việc ban hành “Quy chế đào tạo trình độ đại học”.

Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

1.2. Chương trình đào tạo tham khảo

Khi xây dựng chương trình đào tạo Điều dưỡng, Nhà trường tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học trong nước và quốc tế sau:

- [1]. Chương trình đào tạo Y học dự phòng của trường Đại học Y khoa Vinh

<http://www.vmu.edu.vn/tuyen-sinh-dao-tao/dai-hoc-chinh-quy/chuong-trinh-dao-tao/chuong-trinh-giao-duc-nganh-y-hoc-du-phong-a9143>

- [2]. Chương trình đào tạo Y học dự phòng của trường Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh

https://admin.ump.edu.vn/uploads/ckeditor/files/Truong/DaoTaoDaiHoc/ChuongTrinhDaoTao/2022/2157_30082022_QD_ChuongTrinhDaoTao_YHD_P.pdf

- [3]. Đại học Công nghệ Queensland (Úc), Đại học Takasaki (Nhật Bản)

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Bác sỹ Y học dự phòng có y đức, có kiến thức về khoa học cơ bản kiến thức về y học cơ sở vững chắc, kiến thức và kỹ năng thực hành tốt về y học dự phòng, có khả năng đề xuất, tổ chức và tham gia giải quyết có hiệu quả các vấn đề cơ bản của y tế dự phòng và sức khỏe cộng đồng, có khả năng tự học, vươn lên đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

2.2.1. Về kiến thức Trình bày và áp dụng được:

- Những quy luật cơ bản về cấu tạo hoạt động và chức năng của con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý.
- Những kiến thức cơ bản về y học dự phòng trong việc xác định các yếu tố tác động của môi trường tự nhiên, xã hội, nghề nghiệp đến sức khỏe.
- Những nguyên tắc cơ bản về cách phát hiện, biện pháp can thiệp và dự phòng các vấn đề sức khỏe của cộng đồng.
- Luật pháp, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác chăm sóc sức khỏe, nâng cao sức khỏe nhân dân.
- Phương pháp luận khoa học trong nghiên cứu khoa học công nghệ của y học dự phòng.

2.2.2. Về kỹ năng

2.2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp (kỹ năng cứng)

- Tổ chức và thực hiện được hoạt động tư vấn, giáo dục sức khỏe trong chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho nhân dân
- Thực hiện các kỹ thuật giám sát và đánh giá tác động môi trường, đề xuất các giải pháp phòng chống ô nhiễm môi trường
- Phát hiện các vấn đề dinh dưỡng-an toàn thực phẩm và đề xuất các giải pháp cải thiện thích hợp.

- Tổ chức và theo dõi quản lý sức khỏe, bệnh nghề nghiệp ở các ngành nghề khác nhau. Tham gia giám sát, phát hiện sớm các bệnh dịch phổ biến và tổ chức phòng chống dịch.

- Tham gia quản lý, lập kế hoạch, tổ chức giám sát hoạt động các chương trình mục tiêu y tế quốc gia về Y tế Dự phòng.

- Tham gia chẩn đoán, xử trí và cấp cứu các bệnh thông thường và một số bệnh chuyên khoa.

- Thực hiện tập huấn, giám sát hỗ trợ cho y tế cơ sở và y tế dự phòng.

- Tham gia thực hiện NCKH trong lúc học Y tế dự phòng.

- Thực hiện một số kỹ thuật, xét nghiệm trong y học dự phòng.

- Đánh giá hiệu quả một số can thiệp y học dự phòng và y tế công cộng.

- Lòng ghép, phối hợp hoạt động y học dự phòng và y tế công cộng.

- Sử dụng tối thiểu một ngoại ngữ, sử dụng thành thạo công nghệ thông tin phục vụ cho quản lý NCKH và học tập vươn lên.

2.2.2.2. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng tự chủ

- + Sắp xếp kế hoạch công việc khoa học và hợp lý.

- + Thích ứng nhanh với sự thay đổi môi trường sống và làm việc.

- + Học và tự học, tự nghiên cứu suốt đời.

- + Phân tích được phẩm chất của đồng nghiệp để trao đổi, học hỏi.

- Kỹ năng làm việc nhóm

- + Xây dựng, điều hành nhóm làm việc hiệu quả.

- + Liên kết được các nhóm.

- Kỹ năng quản lý và lãnh đạo

- + Tổ chức, phân công công việc trong đơn vị.

- + Đánh giá hoạt động của cá nhân và tập thể.

- + Liên kết được với các đối tác chủ yếu.

- Giao tiếp

- + Sắp xếp được ý tưởng, nội dung giao tiếp.

- + Giao tiếp được bằng văn bản, qua thư điện tử/các phương tiện truyền thông

- + Khả năng thuyết trình lưu loát.

- + Có kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân: tư vấn, giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân, trao đổi và chia sẻ với đồng nghiệp...

2.2.3. Về thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân

- Tôn trọng, chân thành lắng nghe ý kiến của cộng đồng về các nhu cầu sức khỏe và các giải pháp can thiệp nhằm nâng cao sức khỏe của cộng đồng.

- Cầu thị, hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp liên ngành giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

- Trung thực, khách quan, có tinh thần học tập vươn lên.

2.2.4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, các Bác sỹ có khả năng công tác tại các cơ sở Y tế và một số ban ngành có nhu cầu sử dụng Bác sỹ Y học dự phòng ở các tuyến Trung ương, tỉnh, huyện, cộng đồng và các cơ sở đào tạo cán bộ y tế.

2.2.5. Ngoại ngữ, tin học

Đạt kỹ năng về tiếng Anh, tin học và nghề nghiệp theo quy định chung của Nhà trường để nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ chuyên môn; có kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm một cách hiệu quả.

3. Chuẩn đầu ra

3.1. Kiến thức

- Có kiến thức lý thuyết nền vững chắc và chuyên sâu trong lĩnh vực sức khỏe.
- Nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế để có thể chuẩn đoán đưa ra hướng điều trị và điều trị các bệnh thông thường và xử trí cấp cứu ban đầu ở tuyến cơ sở, phát hiện phân loại và chuyển tuyến kịp thời.
- Tích lũy được kiến thức nền tảng về các kiến thức cơ bản, kiến thức ngành và chuyên ngành trong lĩnh vực sức khỏe tạo nền tảng để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập nâng cao trình độ.
- Có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực sức khỏe

3.2. Kỹ Năng

Có kỹ năng hoàn thành chẩn đoán điều trị bệnh thông thường và xử trí cấp cứu ban đầu đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của khối ngành sức khỏe trong những bối cảnh khác nhau.

Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực sức khỏe; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền.

Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành sức khỏe; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.

3.3. Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm

Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 210 tín chỉ (TC), chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng

5. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, tuyển sinh trong cả nước.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

6.1. Quy trình đào tạo

Thực hiện đúng Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo quyết định số 81/QĐ-ĐHNCT ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nam Cần Thơ.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

- Sinh viên hoàn tất chương trình đào tạo được xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp theo quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ.
- Đạt trình độ tiếng Anh và Tin học theo quy định chung của Nhà trường.
- Đạt chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng-An ninh; Giáo dục thể chất; Kỹ năng mềm và Kỹ năng nghề nghiệp.

7. Cách thức đánh giá

Thực hiện đúng Quy chế đào tạo đại học trình độ ban hành kèm theo quyết định số 81/QĐ-ĐHNCT ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nam Cần Thơ.

8. Nội dung chương trình

STT	HỌC PHẦN	KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC (TC)		
		Tổng số	LT	TH
1. Kiến thức giáo dục đại cương				
1.1. Kiến thức chung				
1	Giáo dục quốc phòng – An ninh	8*		
2	Giáo dục thể chất 1,2,3	3*	0	3*
3	Triết học Mac - Lenin	3	3	0

STT	HỌC PHẦN	KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC (TC)		
		Tổng số	LT	TH
4	Kinh tế Chính trị	2	2	0
5	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học	2	2	0
6	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2	0
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
8	Anh văn căn bản và chuyên ngành	12	12	0
9	Tin học đại cương	3	2	1
10	Pháp luật đại cương	2	2	0
1.2. Kiến thức cơ sở khối ngành				
1	Sinh học và Di Truyền	3	2	1
2	Hóa Đại cương Vô cơ	3	2	1
3	Lý sinh	3	2	1
4	Xác suất y học	2	2	0
5	Thống kê y học	2	2	0
6	Tin học ứng dụng chuyên ngành	3	2	1
7	Tâm lý và đạo đức y học	2	2	0
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
2.1. Kiến thức cơ sở của ngành				
1	Giải phẫu 1	3	2	1
2	Giải phẫu 2	3	2	1
3	Mô và Phôi thai học	3	2	1
4	Ký sinh trùng	3	2	1
5	Sinh lý 1	4	3	1
6	Sinh lý 2	3	2	1
7	Điều dưỡng cơ bản	3	2	1
8	Hóa sinh	4	3	1
9	Vì sinh	3	2	1
10	Huấn luyện kỹ năng	2	0	2
11	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	4	3	1
12	Dinh dưỡng, an toàn và vệ sinh thực phẩm 1	2	1	1

STT	HỌC PHẦN	KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC (TC)		
		Tổng số	LT	TH
13	Dược lý	3	2	1
14	Giải phẫu bệnh	3	2	1
15	Khoa học môi trường và sức khỏe môi trường 1	3	2	1
16	Khoa học hành vi và giáo dục sức khỏe 1	2	2	0
17	Dịch tễ học 1	4	3	1
18	Chẩn đoán hình ảnh	3	2	1
19	Thực tế Y học dự phòng 1	2	0	2
2.2. Kiến thức ngành				
1	Triệu chứng ngoại khoa	5	2	3
2	Triệu chứng nội khoa	5	2	3
3	Bệnh học ngoại khoa 1	5	2	3
4	Bệnh học nội khoa 1	5	2	3
5	Nhi khoa 1	5	2	3
6	Phụ sản 1	5	2	3
7	Da liễu	3	2	1
8	Mắt	3	2	1
9	Răng hàm mặt	2	1	1
10	Tai mũi họng	3	2	1
11	Thần kinh	3	2	1
12	Lao và Bệnh phổi	3	2	1
13	Phục hồi chức năng	3	2	1
14	Sức khỏe tâm thần	3	2	1
15	Y học cổ truyền	3	2	1
16	Truyền nhiễm	4	2	2
17	Sức khỏe sinh sản	1	1	0
18	Kinh tế y tế	2	1	1
19	CTYTQG - Tổ chức và quản lý y tế	3	2	1
20	Y xã hội học và nhân học y học	2	1	1
21	Sức khỏe lứa tuổi	2	1	1

STT	HỌC PHẦN	KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC (TC)		
		Tổng số	LT	TH
22	Sức khỏe môi trường 2	3	2	1
23	Sức khỏe nghề nghiệp	4	3	1
24	Dịch tễ học 2	3	2	1
25	Dinh dưỡng, an toàn và vệ sinh thực phẩm 2	4	2	2
26	Khoa học hành vi và giáo dục sức khỏe 2	2	1	1
27	Dân số học	2	1	1
28	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	3	2	1
29	Thực tế Y học dự phòng 2	2	0	2
30	Thực tế Y học dự phòng 3	2	0	2
31	Y học gia đình	4	2	2
32	Khóa luận tốt nghiệp	8	8	0
Tổng cộng		210	138	72

9. Cơ sở thực hành chủ yếu

9.1. Thực hành:

Tại các phòng thí nghiệm của Trường, Bệnh viện trường đại học Nam Cần Thơ, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật.

9.2. Thực hành huấn luyện kỹ năng:

Tại các phòng huấn luyện kỹ năng của bệnh viện trường Đại học Nam Cần Thơ.

9.3. Thực hành ở bệnh viện:

Tại các bệnh viện Trung ương, Tỉnh, Thành phố có đăng ký cơ sở thực hành theo quy định của Bộ Y tế.

Tên cơ sở	Đường dẫn công bố	Lĩnh vực công bố	Trình độ
Bệnh viện Nhi đồng Thành phố Cần Thơ	https://soytecantho.vn/DesktopModules/CMSP/DinhKem/21814_3211-SYT-TCCB-Thong-nhat-ban-tu-cong-bo-bv-nhi-dong.signed.pdf	Y sĩ đa khoa, Y sĩ y học cổ truyền, Y học dự phòng, Điều dưỡng , Hộ sinh, Y sĩ, Kỹ thuật viên hình ảnh y học, Dược, Răng hàm mặt , Kỹ thuật viên xét nghiệm y học.	trung cấp, cao đẳng, đại học, sau đại học.

Tên cơ sở	Đường dẫn công bố	Lĩnh vực công bố	Trình độ
Bệnh viện đa khoa Thành phố Cần Thơ	https://soytecantho.vn/DesktopModules/CMSP/DinhKem/10750_2371-SYT-TCCB-Thong-nhat-ban-tu-cong-bo-CS-KCB---BVDKTP-.signed.pdf	Nội khoa, Ngoại khoa, Chẩn đoán hình ảnh, Xét nghiệm, Truyền nhiễm, Răng hàm mặt , Tai mũi họng, Mắt, Dược, Y học cổ truyền, Điều dưỡng	trung cấp, cao đẳng, đại học, sau đại học.
Bệnh viện Ung bướu Cần Thơ	https://soytecantho.vn/DesktopModules/CMSP/DinhKem/10737_2264-SYT-TCCB-Thong-nhat-ban-tu-cong-bo-CSKCB--BVUB.signed.pdf	Y khoa, Răng Hàm Mặt , Y học cổ truyền, Y học dự phòng (chuyên ngành Ung bướu), Điều dưỡng , Dược, xét nghiệm	trung cấp, cao đẳng, đại học, sau đại học.

9.4. Thực hành tại công đồng:

Tại trung tâm y tế, bệnh viện huyện, trạm y tế các xã của các huyện thuộc thành phố Cần thơ và các tỉnh thuộc vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long.

10. Hướng dẫn thực hành chương trình:

- Chương trình:

+ Chương trình chi tiết đào tạo ngành Y học Dự phòng hệ chính quy gồm 210 TC. Việc triển khai chi tiết thực hiện chương trình và giám sát chất lượng chuyên môn do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế chỉ đạo thực hiện.

+ Phần nội dung chương trình bắt buộc: Trường Đại học Nam Cần Thơ chỉ đạo khoa Y phải tổ chức thực hiện giảng dạy đủ khối lượng kiến thức đã quy định

+ Phần nội dung chương trình kiến thức bổ trợ: Dựa theo trên cơ sở bổ sung thêm một số học phần thuộc ngành Y học dự phòng đồng thời tăng thêm thời lượng cho một số học phần đã có, liên quan tới nhiều ngành đào tạo nhưng xét thấy có lợi cho việc mở rộng năng lực hoạt động của sinh viên sau tốt nghiệp. Trên cơ sở các TC bắt buộc và TC kiến thức bổ trợ đã được phê duyệt, khoa Y đã biên soạn chương trình chi tiết những môn học và trình hội đồng khoa học đào tạo và Hiệu Trưởng Trường Đại học Nam Cần Thơ ban hành để thực hiện.

- Kế hoạch sắp xếp nội dung và quỹ thời gian:

+ Khoa Y chủ động bố trí và điều chỉnh các môn học của các học kỳ và phải đảm bảo tính logic và tính hệ thống của chương trình đào tạo theo trình tự để sinh viên học các học phần khoa học cơ bản, y học cơ sở và tiền lâm sàng trước các học phần chuyên

ngành. Phòng Đào tạo và khoa Y sẽ sắp xếp chương trình và triển khai thực hiện theo chương trình chi tiết đã được duyệt.

- Phương pháp dạy/học:

- + Coi trọng việc tự học của sinh viên : giảng viên hướng dẫn phương pháp tự học theo đặc thù của môn học.
- + Tăng cường các phương tiện nghe nhìn, phương pháp dạy/học tích cực
- + Đảm bảo sách giáo khoa và tài liệu tham khảo cho sinh viên
- + Tăng cường hiệu quả các buổi thực tập trong phòng thí nghiệm, thực hành tại các cơ sở Y Dược và thực tế tại cộng đồng bằng cách phân công giảng viên kết hợp với giảng viên kiêm nhiệm tại cơ sở theo dõi giám sát các hoạt động của sinh viên, tổ chức kiểm tra thi kết thúc mỗi kỹ thuật thí nghiệm, mỗi quy trình hoạt động chuyên môn tại cơ sở.

- Thực tập, thực hành, thực tế tại cộng đồng:

- + Thực hành: Tại các phòng thực hành thí nghiệm tại trường Đại học Nam Cần Thơ và Bệnh viện trường Đại học Nam Cần Thơ.
- + Thực hành tại bệnh viện: Tại các cơ sở thực hành chính như Bệnh viện Đa khoa Trung Ương Cần Thơ, Đa khoa Thành phố Cần Thơ, các bệnh viện loại I, II thuộc các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long và các bệnh viện chuyên khoa thuộc địa bàn thành phố Cần Thơ.
- + Thực hành chuyên ngành Y học Dự phòng: Tại các Trung tâm kiểm soát bệnh tật thành phố Cần Thơ và các tỉnh thuộc Đồng Bằng Sông Cửu Long.
- + Thực tế cộng đồng : Tại các trung tâm y tế, các trạm y tế xã thuộc địa bàn thành phố Cần Thơ.

- Kiểm tra, thi và xét tốt nghiệp:

Thực hiện đúng Quy chế đào tạo đại học trình độ ban hành kèm theo quyết định số 81/QĐ-ĐHNCT ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nam Cần Thơ.

- Điều kiện công nhận tốt nghiệp:

Sinh viên tích lũy đủ số tín chỉ các học phần trong chương trình đào tạo, có các chứng chỉ giáo dục thể chất và giáo dục Quốc phòng - An ninh, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà trường.

11. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo

11.1. Phương án tuyển sinh

Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia hoặc xét điểm học bạ quá trình học tập ở bậc THPT theo tổ hợp các môn học theo ngành.

11.2. Đối tượng và điều kiện tuyển sinh

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, tuyển sinh trên phạm vi cả nước

11.3. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và đạt chuẩn đầu ra: ngoại ngữ, tin học của chương trình đào tạo;

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và hoàn thành các học phần Giáo dục thể chất;

d) Hoàn thành “Tuần sinh hoạt công dân-sinh viên” và đạt điểm đánh giá rèn luyện theo quy định đối với sinh viên đại học chính quy;

e) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

11.4. Kế hoạch đào tạo (dự kiến)

Học kỳ 1

STT	Tên học phần	Tổng số		LT		TH	
		TC	Số tiết	TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Triết học Mac - Lenin	3	45	3	45	0	0
2	Sinh học và Di Truyền	3	60	2	30	1	30
3	Hóa đại cương vô cơ	3	60	2	30	1	30
4	Tin học đại cương	3	60	2	30	1	30
5	Anh văn căn bản 1	3	45	3	45	0	0
6	Giáo dục thể chất 1	1*	30	0	0	1*	30
7	Giáo dục quốc phòng	8*			8*		
Tổng cộng		15	270	12	180	3	90

Học kỳ 2

STT	Tên học phần	Tổng số		LT		TH	
		TC	Số tiết	TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Kinh tế chính trị	2	30	2	30	0	0
2	Pháp luật đại cương	2	30	2	30	0	0

STT	Tên học phần	Tổng số		LT		TH	
		TC	Số tiết	TC	Số tiết	TC	Số tiết
3	Giải phẫu 1	3	60	2	30	1	30
4	Lý sinh	3	60	2	30	1	30
5	Xác suất y học	2	30	2	30	0	0
6	Anh văn căn bản 2	3	45	3	45	0	0
7	Thống kê y học	2	30	2	30	0	0
8	Giáo dục thể chất 2	1*	30	0	0	1	30
Tổng cộng		17	285	15	225	2	60

Học kỳ 3

STT	Tên học phần	Tổng số		LT		TH	
		TC	Số tiết	TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Anh văn căn bản 3	3	45	3	45	0	0
2	Giải phẫu 2	3	60	2	30	1	30
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	2	30	0	0
4	Mô và Phôi thai học	3	60	2	30	1	30
5	Ký sinh trùng	3	60	2	30	1	30
6	Sinh lý 1	4	75	3	45	1	30
7	Giáo dục thể chất 3	1*	30	0	0	1	30
Tổng cộng		18	330	14	210	4	120

Học kỳ 4

STT	Tên học phần	Tổng số		LT		TH	
		TC	Số tiết	TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Anh văn chuyên ngành	3	45	3	45	0	0
2	Hóa sinh	4	75	3	45	1	30
3	Sinh lý 2	3	60	2	30	1	30
4	Khoa học hành vi và giáo dục sức khỏe 1	2	30	2	30	0	0
5	Giải phẫu bệnh	3	60	2	30	1	30
6	Điều dưỡng cơ bản	3	75	2	30	1	45
Tổng cộng		18	345	14	210	4	135

Học kỳ 5

STT	Tên học phần	Tổng số		LT		TH	
		TC	Số tiết	TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	4	75	3	45	1	30
2	Khoa học hành vi và giáo dục sức khoẻ 2	2	45	1	15	1	30
3	Dược lý	3	60	2	30	1	30
4	Chẩn đoán hình ảnh	3	60	2	30	1	30
5	Huấn luyện kỹ năng	2	90	0	0	2	90
6	Tâm lý và đạo đức y học	2	30	2	30	0	0
7	Vi sinh	3	60	2	30	1	30
Tổng cộng		19	420	12	180	7	240

Học kỳ 6

STT	Tên học phần	Tổng số		LT		TH	
		TC	Số tiết	TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Dinh dưỡng, an toàn và vệ sinh thực phẩm 1	2	48	1	18	1	30
2	Y xã hội học và nhân học y học	2	63	1	18	1	45
3	Khoa học môi trường và sức khoẻ môi trường 1	3	60	2	30	1	30
4	Thực tế Y học dự phòng 1	2	90	0	0	2	90
5	Triệu chứng ngoại khoa	5	171	2	36	3	135
6	Triệu chứng nội khoa	5	171	2	36	3	135
Tổng cộng		19	603	8	138	11	465

Học kỳ 7

STT	Tên học phần	Tổng số		LT		TH	
		TC	Số tiết	TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Bệnh học ngoại khoa 1	5	171	2	36	3	135
2	Bệnh học nội khoa 1	5	171	2	36	3	135
5	Dịch tễ học 1	4	75	3	45	1	30
6	Truyền nhiễm	4	126	2	36	2	90
7	Sức khỏe sinh sản	1	18	1	18	0	0
Tổng cộng		19	561	10	171	9	390

Học kỳ 8

STT	Tên học phần	Tổng số		LT		TH	
		TC	Số tiết	TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Kinh tế y tế	2	48	1	18	1	30
3	Sức khỏe nghề nghiệp	4	90	3	45	1	45
4	Nhi khoa 1	5	171	2	36	3	135
5	Phụ sản 1	5	171	2	36	3	135
6	Y học cổ truyền	3	75	2	30	1	45
Tổng cộng		19	555	10	165	9	390

Học kỳ 9

STT	Tên học phần	Tổng số		LT		TH	
		TC	Số tiết	TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Da liễu	3	75	2	30	1	45
2	Lao và Bệnh phổi	3	75	2	30	1	45
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	2	30	0	0
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	3	60	2	30	1	30
5	Phục hồi chức năng	3	75	2	30	1	45
6	Dịch tễ học 2	3	60	2	30	1	30
Tổng cộng		17	375	12	180	5	195

Học kỳ 10

STT	Tên học phần	Tổng số		LT		TH	
		TC	Số tiết	TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Sức khỏe môi trường 2	3	75	2	30	1	45
2	Răng hàm mặt	2	63	1	18	1	45
3	Tai mũi họng	3	75	2	30	1	45
4	Mắt	3	75	2	30	1	45
5	CTYTQG - Tổ chức và quản lý y tế	3	60	2	30	1	30
6	Sức khỏe tâm thần	3	75	2	30	1	45
Tổng cộng		17	423	11	168	6	255

Học kỳ 11

STT	Tên học phần	Tổng số		LT		TH	
		TC	Số tiết	TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	2	30	0	0
2	Dinh dưỡng, an toàn và vệ sinh thực phẩm 2	4	90	2	30	2	60
3	Thực tế Y học dự phòng 2	2	90	0	0	2	90
4	Dân số học	2	48	1	18	1	30
5	Sức khỏe lứa tuổi	2	63	1	18	1	45
6	Thần kinh	3	75	2	30	1	45
Tổng cộng		15	396	8	126	7	270

Học kỳ 12

STT	Tên học phần	Tổng số		LT		TH	
		TC	Số tiết	TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc môn thay thế)	8	240	8	240	0	0
2	Tin học ứng dụng chuyên ngành	3	60	2	30	1	30
3	Thực tế Y học dự phòng 3	2	90	0	0	2	90
4	Y học gia đình	4	120	2	30	2	90
Tổng cộng		17	510	12	300	5	210

11.5. Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo**11.5.1. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý**

Trường hiện có 960 cán bộ, giảng viên, nhân viên, trong đó có 807 giảng viên cơ hữu và cán bộ quản lý. Ngoài ra, Nhà trường còn liên kết các trường đại học có uy tín trong khu vực và lãnh đạo các cơ quan doanh nghiệp có nhiều kinh nghiệm thực tế để thỉnh giảng đối với một số học phần, nhằm trang bị thêm kiến thức lý thuyết và thực tiễn cho sinh viên.

Đội ngũ CBQL của Trường hiện có 56 người. Đội ngũ CBQL của Trường được bổ nhiệm đúng quy trình, có phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn tốt; luôn đáp ứng tốt về yêu cầu, nhiệm vụ của vị trí công tác được phân công. Hiện tại, CBQL các đơn vị trong Trường đều có trình độ thạc sĩ trở lên, đạt trình độ ngoại ngữ và tin học phù hợp với quy định tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý của Trường, riêng đối với trưởng khoa, trưởng bộ môn đều có bằng tiến sĩ trở lên đúng theo Luật giáo dục ĐH. Bên cạnh đó, Trường luôn tạo mọi điều kiện cho CBQL bồi dưỡng, nâng

cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Trong năm học 2021 - 2022, có hơn 45 lượt CBQL tham gia các hội thảo, hội nghị trong nước và ngoài nước, qua đó năng lực quản lý, trình độ chuyên môn của CBQL các cấp không ngừng tăng lên và đạt hiệu quả cao trong công việc.

Đội ngũ giảng viên của Trường có đủ số lượng để thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học, mỗi ngành đào tạo có đủ thành phần giảng viên cơ hữu theo quy chuẩn mở ngành. Đội ngũ GV ngày càng tăng về số lượng, trẻ hóa về tuổi đời, năng động, sáng tạo, có trình độ ngoại ngữ, tin học tốt, có kiến thức chuyên môn đảm bảo trình độ chuẩn của nhà giáo được đào tạo theo quy định, đáp ứng được yêu cầu của ngành giáo dục về giảng dạy, NCKH và hoạt động xã hội, cộng đồng. Phần lớn các GV của Trường đều được đào tạo sau ĐH từ các cơ sở giáo dục có uy tín. Trong năm học 2021 – 2022 có hơn 25 - 30 lượt giảng viên tham gia các hội thảo, hội nghị trong nước và ngoài nước.

Đội ngũ chuyên viên, kỹ thuật viên và nhân viên của Trường có 97 người, có trình độ CĐ, ĐH trở lên, trong đó nhiều chuyên viên ở các phòng, khoa đã có trình độ thạc sĩ, đang học cao học đáp ứng yêu cầu về năng lực chuyên môn. Nhà trường luôn tạo điều kiện cho các chuyên viên, kỹ thuật viên và nhân viên tham gia học tập, tập huấn các lớp bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để phục vụ có hiệu quả cho hoạt động giảng dạy và NCKH. Cụ thể, trong năm học 2021 – 2022, Trường đã cử hơn 10 lượt đi đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ.

11.5.2. Kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư chi phí đào tạo

Hàng năm, Trường Đại học Nam Cần Thơ thường xuyên đầu tư chi phí cho cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị dạy và học, tăng số đầu sách trong thư viện, bổ sung thiết bị và dụng cụ thí nghiệm, sửa chữa nhỏ, nâng cấp hệ thống internet, E-learning, số hóa tài liệu, nâng cấp dịch vụ ký túc xá,...theo yêu cầu của kế hoạch đào tạo và tương xứng với mức thu học phí.

11.5.3. Kế hoạch hợp tác quốc tế về đào tạo

Hiện nay, nhà Trường đang có mối quan hệ chặt chẽ với các tổ chức đào tạo khoa học trên thế giới như: Trường Đại học Regis, Hoa Kỳ; Trường Đại học Khoa học Công nghệ Malaysia (MUST); Trường Đại học Future Generations, Hoa Kỳ; Trường Đại học Future Generations, Hoa Kỳ; Trường Đại học Nông nghiệp và Công nghệ Quốc tế, Bangladesh; Trường Kinh doanh Montpellier, Pháp. Trong tương lai gần, khoa sẽ tăng cường hợp tác về nghiên cứu và đào tạo với các nước trong khu vực (Thái Lan, Hàn Quốc) và Âu Mỹ.

Chính sách của Trường trong thời gian tới là tích cực tìm kiếm cơ hội mở rộng hợp tác với nhiều cơ quan, tổ chức quốc tế nhằm đa dạng hoá hoạt động nghiên cứu,

tạo điều kiện cho giảng viên, nghiên cứu viên, nghiên cứu sinh nâng cao năng lực nghiên cứu và đào tạo; Tiếp tục duy trì và phát triển các hoạt động hợp tác quốc tế đã được thiết lập trong việc trao đổi giảng viên và sinh viên, liên kết đào tạo hộ cử nhân và cao học cấp bằng nước ngoài; Thành lập các nhóm phụ trách hợp tác đối ngoại và khuyến khích các cán bộ giảng viên, nhân viên tham gia nhằm nâng cao năng lực và kinh nghiệm thực hiện các hoạt động hợp tác đối ngoại.

- ***Đề cương chi tiết học phần:***

Phụ lục đính kèm

Cần Thơ, ngày 20 tháng 05 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Văn Quang

PHẦN 4. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO TRONG MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Điểm mạnh, điểm yếu của cơ sở đào tạo để thích ứng với tình hình phát triển kinh tế xã hội & ngăn ngừa, hạn chế rủi ro có thể xảy ra.

Năm 2021, sự bùng phát trở lại và kéo dài của đại dịch COVID-19 đã tác động không nhỏ đến mọi mặt kinh tế - xã hội của Việt Nam khiến nhiều địa phương trên cả nước phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài, sản xuất bị đình trệ, chuỗi cung ứng đứt gãy, các chỉ số chính của nền kinh tế đều sụt giảm, sức mua của người dân giảm mạnh, đời sống bị ảnh hưởng nghiêm trọng, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao. Trong khi biến thể Delta và sau đó là biến thể Omicron khiến nhiều nước trên thế giới “chao đảo”. Trường Đại học Nam Cần Thơ cũng là một trong những cơ sở đào tạo đã hứng chịu nhiều ảnh hưởng từ đại dịch này. Tuy nhiên, cùng với sự lãnh đạo đúng đắn và nắm bắt tình hình để thích ứng với đại dịch trong thời kỳ mới của Đảng và Nhà Nước ta, Việt Nam nói chung và cơ sở đào tạo nói riêng đã từng bước phục hồi và phát triển mạnh mẽ hơn sau đại dịch. Qua những kinh nghiệm đã trải qua sau đại dịch, cơ sở đào tạo đã rút ra được những bài học để dự báo, giải quyết những rủi ro có thể xảy ra khi triển khai tuyển sinh khi mở ngành cũng như đánh giá được những điểm mạnh, điểm yếu của cơ sở đào tạo cụ thể như sau:

1.1. Về điểm mạnh của cơ sở đào tạo:

- Về cơ sở vật chất: Trường Đại học Nam Cần Thơ đã đầu tư, xây dựng hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kiến trúc hiện đại để phục vụ cho mục đích học tập, nghiên cứu khoa học, giải trí, trau dồi kỹ năng chuyên môn để phát triển năng lực bản thân của từng học viên, sinh viên.

- Đội ngũ giảng viên: Giàu kinh nghiệm kết hợp giảng dạy, dẫn dắt các đội ngũ giảng viên trẻ để tăng tính năng động, sáng tạo nhưng vẫn giữ được giá trị cốt lõi, tính kế thừa những giá trị từ lớp giảng viên giàu kinh nghiệm mang lại.

- Mô hình phát triển của cơ sở đào tạo có tính đổi mới, hiện đại: trường hướng về “phát triển doanh nghiệp trong lòng trường Đại học” vì vậy sinh viên được tiếp cận nhiều hơn với doanh nghiệp từ khi còn trong ghế nhà trường để thích nghi với chuyển đổi số và cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay và hướng tới cuộc cách mạng công nghiệp 5.0 sắp tới. Ngoài ra, trường Đại học Nam Cần Thơ còn rất chú trọng phát triển chuyển đổi số trong quản lý, đổi mới phương pháp dạy và học. trường đã xây dựng thư viện điện tử, trung tâm công nghệ phần mềm, xây dựng hệ thống quản lý giáo dục, sinh viên trong nội bộ nhà trường & trường đã xây dựng hệ thống dạy trực tuyến để thích ứng với tình hình mới sau đại dịch.

Với những ưu điểm kể trên, trường Đại học Nam Cần Thơ có đầy đủ năng lực để có thể dự báo được những rủi ro có thể xảy ra khi mở ngành đào tạo.

1.2. Về điểm yếu của cơ sở đào tạo:

- Cơ sở giáo dục còn non trẻ: Trường Đại học Nam Cần Thơ được thành lập ngày 25/01/2013 theo quyết định số 230/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, cơ sở đào tạo đã có hơn 09 năm xây dựng và phát triển. Thời gian thành lập, xây dựng và phát triển tuy còn khiêm tốn nhưng trường đã phát triển một cách mạnh mẽ và chú trọng vào công tác đầu tư, phát triển cơ sở giáo dục tuy nhiên việc sơ suất trong công tác quản lý, giảng dạy không tránh được những sai sót. Cơ sở giáo dục đã từng bước khắc phục những hạn chế về kinh nghiệm và hướng đến phát triển bền vững và trở thành cơ sở đào tạo nguồn nhân lực uy tín cho khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long nói riêng và cả nước nói chung.

- Xây dựng cơ sở vật chất song song với phát triển đào tạo: Trong những năm đầu thành lập vì điều kiện cơ sở vật chất còn hạn chế, trường Đại học Nam Cần Thơ đã vừa phải phát triển giáo dục đào tạo song song phát triển cơ sở vật chất nên đã gặp rất nhiều khó khăn trong công tác quản lý, giảng dạy. Tuy nhiên đến năm 2022, trường đã cơ bản hoàn thiện và đáp ứng đầy đủ những hạn mục, những công trình, cơ sở vật chất để phục vụ sinh viên, học viên yên tâm đến trường để học tập, nghiên cứu, trao đổi và phát triển bản thân.

Trường Đại học Nam Cần Thơ đang từng bước phát triển và khắc phục những điểm yếu còn tồn đọng để hướng tới những giá trị cốt lõi và trở thành địa chỉ cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao tại Đồng bằng Sông Cửu Long.

2. Báo cáo, thuyết minh về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo:

- Thông tư mới đã có quy định cụ thể 02 trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo của cơ sở đào tạo như tự chủ mở ngành khi chưa đủ được điều kiện được tự chủ mở ngành theo quy định; tự chủ mở ngành khi chưa đủ một trong các điều kiện quy định. Quan trọng hơn, cơ sở bị đình chỉ ngành đào tạo sẽ không được tự chủ mở ngành trong 5 năm. Nếu cơ sở giáo dục bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo, trường sẽ có những phương án, giải pháp cụ thể như sau:

- Ưu tiên đưa ra những giải pháp trấn an tâm lý của sinh viên, học viên và phải đảm bảo những quyền lợi, lợi ích của họ được đặt lên hàng đầu;
- Tìm hiểu nguyện vọng của sinh viên, học viên để tư vấn chuyển những ngành còn được cấp phép đào tạo tại cơ sở giáo dục sao cho phù hợp với quy chế đào tạo của cơ sở giáo dục và Bộ giáo dục & Đào tạo Việt Nam;

- Tìm kiếm những cơ sở giáo dục uy tín trong khu vực để liên hệ chuyển trường cho những học viên, sinh viên đúng theo quy chế, quy định hiện hành nếu không đồng ý chuyển ngành còn được đào tạo tại cơ sở đào tạo;
- Thỏa thuận, bồi hoàn chi phí học tập, tuyển sinh đến thời điểm sinh viên, học viên còn đang theo học nếu không đồng ý với các cách giải quyết nêu trên.

PHẦN 5. PHỤ LỤC CÁC MINH CHỨNG KÈM THEO ĐỀ ÁN

- [1] Quyết định của Hội đồng trường về việc thống nhất chủ trương mở ngành đào tạo trình độ đại học.
- [2] Quyết định thành lập ban xây dựng đề án mở ngành đào tạo
- [3] Quyết định thành lập Tổ soạn thảo chương trình đào tạo
- [4] Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo
- [5] Quyết định ban hành chương trình đào tạo
- [6] Biên bản thẩm định chương trình đào tạo
- [7] Biên bản thẩm định đề án mở ngành của Hội đồng khoa học và đào tạo
- [8] Đề cương chi tiết môn học
- [9] Phụ lục 3: Xác nhận điều kiện thực tế của cơ sở đào tạo
- [10] Lý lịch khoa học và văn bằng của đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình.
- [11] Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở sở giáo dục
- [12] Một số công trình khoa học của đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình
- [13] Hợp đồng nguyên tắc với các cơ sở thực tập lâm sàng

PHỤ LỤC 3

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 01 tháng 4 năm 2023

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Ngành dự kiến mở: **Y học dự phòng**

Mã ngành: 7720110

Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. VỀ GIẢNG VIÊN

MẪU 1: Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố:		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			cấp Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
1	Phạm Hùng Lực, 24/07/1953	362141060	Phó giáo sư	Tiến sĩ, Việt	Y học dự phòng	01/07/2017	Hợp đồng		40			

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố:		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			cấp Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
				Nam, 2004			toàn thời gian					
2	Lê Đức Tín, 10/12/1981	052081013587		Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Ngoại lồng ngực – Tim mạch	31/12/2022	Hợp đồng toàn thời gian		15			
3	Đàm Văn Cương, 25/04/1961	000361348923	Phó giáo sư	Tiến sĩ, Việt Nam, 2003	Y học dự phòng	01/09/2021	Hợp đồng toàn thời gian		35			
4	Trần Thị Thủy Hà, 29/09/1965	310592987		Tiến sĩ, Việt Nam, 2012	Y học dự phòng	01/03/2014	Hợp đồng toàn thời gian		30			
5	Tô Mai Xuân Hồng, 30/11/1975	79175030566		Tiến sĩ, Bỉ, 2012	Y khoa	17/04/2023	Hợp đồng toàn thời gian	0205385958	20			

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố:		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			cấp Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
6	Nguyễn Chấn Phong, 30/07/1950	341350860		Tiến sĩ, Việt Nam, 2006	Y học dự phòng	01/04/2013	Hợp đồng toàn thời gian		42			
7	Thái Viết Tăng, 30/05/1961	371413810		Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Y học dự phòng	01/11/2021	Hợp đồng toàn thời gian		30			
8	Nguyễn Văn Thái, 08/10/1964	94064000068		Tiến sĩ, Hà Lan, 2009	Nội tiêu hóa	01/10/2021	Hợp đồng toàn thời gian		30			
9	Dương Thị Truyền, 22/05/1954	089154006569		Tiến sĩ, Việt Nam, 2006	Y học	31/12/2022	Hợp đồng toàn thời gian	5099031098	35			.
10	Phạm Hoàng Lai, 01/06/1965	000362242023		Tiến sĩ, Việt	Y học dự phòng	04/01/2021	Hợp đồng		32			

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố:		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			cấp Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
				Nam, 2009			toàn thời gian					
11	Nguyễn Ngọc Lê, 12/11/1984	000331425914		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc	01/09/2017	Hợp đồng toàn thời gian		15			.
12	Hồ Anh Thủy, 02/04/1965	363607363		Chuyên khoa cấp II, Việt Nam, 2012	Thần kinh	10/02/2022	Hợp đồng toàn thời gian		35			
13	Hồ Ngọc Diệp, 30/04/1965	350702069		Thạc sĩ, Việt Nam, 2000	Y học	01/11/2014	Hợp đồng toàn thời gian		35			
14	Hoàng Thúy Oanh, 23/11/1983	321084789		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Thần kinh và tâm thần	01/12/2018	Hợp đồng toàn thời gian		15			

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố:		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			cấp Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
15	Huỳnh Minh Tâm, 05/01/1987	321235550		Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Giáo dục thể chất	01/10/2013	Hợp đồng toàn thời gian		15			.
16	Huỳnh Văn Long, 1951	321373515		Tiến sĩ, Việt Nam, 2003	Sử học	01/07/2014	Hợp đồng toàn thời gian		35		2	.
17	Huỳnh Võ Hữu Trí, 1982	086082000110		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Hệ thống thông tin	01/10/2013	Hợp đồng toàn thời gian	DN4925606001527	18			.
18	Lâm Văn Đây, 15/05/1985	341219022		Thạc sĩ, Việt Nam, 2019	Toán giải tích	01/11/2020	Hợp đồng toàn thời gian		12			.
19	Lâm Xuân Thục	083175000499		Thạc sĩ, Việt	Y học dự phòng	01/05/2022	Hợp đồng		20			

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố:		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			cấp Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
	Quyên, 19/04/1975			Nam, 2008			toàn thời gian					
20	Lê Đại Nghiệp, 16/10/1987	371261906		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	01/08/2016	Hợp đồng toàn thời gian		12			.
21	Lê Nguyễn Thảo Chương, 22/03/1986	362172308		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Mất (Nhãn khoa)	01/11/2014	Hợp đồng toàn thời gian		15			
22	Lê Thị Minh Hân, 23/04/1976	312391482		Thạc sĩ, Việt Nam, 2007	Y học	01/11/2014	Hợp đồng toàn thời gian		20			
23	Lý Huỳnh Liên Hương, 23/12/1988	362155861		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Kỹ thuật	10/11/2018	Hợp đồng toàn thời gian		12			

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố:		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			cấp Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
24	Ngô Hồ Anh Khôi, 22/04/1988	092088006115		Tiến sĩ, Pháp, 2015	Công nghệ thông tin	16/11/2020	Hợp đồng toàn thời gian	9221281966	13		3	
25	Ngô Thanh Thảo, 09/06/1965	092165001871		Thạc sĩ, Thái Lan, 2008	Điều dưỡng	01/02/2021	Hợp đồng toàn thời gian	5496006025	30			
26	Nguyễn Chí Dũng, 15/08/1988	070781696		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Luật học	22/05/2015	Hợp đồng toàn thời gian		15			.
27	Nguyễn Hải Đăng, 19/10/1990	381581391		Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	10/11/2018	Hợp đồng toàn thời gian		10			.
28	Nguyễn Hiếu	310644502		Chuyên khoa cấp II, Việt	Thần kinh	01/03/2014	Hợp đồng		30			

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố:		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			cấp Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
	Nghĩa, 01/02/1965			Nam, 2012			toàn thời gian					
29	Nguyễn Hữu Thuận, 31/01/1981	092081001867		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Khoa học y sinh	10/02/2022	Hợp đồng toàn thời gian	6506000491	20			
30	Nguyễn Huỳnh Bích Liễu, 16/01/1987	362165151		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Công nghệ sinh học	15/02/2015	Hợp đồng toàn thời gian		15			
31	Nguyễn Thanh Tân, 08/11/1987	365523521		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Thần kinh	01/11/2014	Hợp đồng toàn thời gian	9214010450	15			
32	Nguyễn Thị Huệ, 07/07/1959	093159000114		Chuyên khoa cấp II, Việt Nam, 2004	Sản phụ khoa	10/02/2022	Hợp đồng toàn thời gian		35			

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố:		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			cấp Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
33	Nguyễn Văn Phúc, 22/07/1978	320938217		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Vi sinh vật học	03/05/2016	Hợp đồng toàn thời gian		22			
34	Phạm Đình Quốc, 01/03/1987	351720909		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	LL và PPGD Tiếng Anh	01/12/2015	Hợp đồng toàn thời gian		10			.
35	Phạm Minh Khánh, 29/04/1996	371727852		Thạc sĩ, Đài Loan, 2021	Khoa học y sinh	01/03/2022	Hợp đồng toàn thời gian		8			
36	Phạm Nông, 28/07/1952	340840170		Chuyên khoa cấp II, Việt Nam, 2012	Quản lý Y tế	01/12/2020	Hợp đồng toàn thời gian		35			
37	Quách Ngọc	385236899		Chuyên khoa cấp	Nhi khoa	01/03/2022	Hợp đồng		12			

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố:		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			cấp Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
	Ngân, 01/10/1984			II, Việt Nam, 2022			toàn thời gian					
38	Quách Võ Bích Thuận, 15/11/1990	362262948		Chuyên khoa cấp I, Việt Nam, 2017	Tai - Mũi - Họng	01/02/2018	Hợp đồng toàn thời gian		8			
39	Trần Chí Dũng, 10/10/1977	089077000064		Chuyên khoa cấp II, Việt Nam, 2016	Nội khoa	01/04/2022	Hợp đồng toàn thời gian		22			
40	Trần Kim Cúc, 20/04/1958	092158001034		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Y tế công cộng	15/08/2020	Hợp đồng toàn thời gian	5496015224	35			

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố:		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			cấp Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
41	Trần Lê Minh Thái, 18/12/1984	351571082		Thạc sĩ, Việt Nam,	Ngoại khoa	15/12/2020	Hợp đồng toàn thời gian		15			.
42	Trần Văn Thường, 01/08/1959	092059001253		Chuyên khoa cấp II, Việt Nam, 2011	Ngoại khoa	15/12/2020	Hợp đồng toàn thời gian	5496025099	30			
43	Võ Hải Thắng, 22/08/1993	341656161		Thạc sĩ, Việt Nam, 2020	Răng - Hàm - Mặt	15/01/2022	Hợp đồng toàn thời gian		8			
44	Vũ Thị Tuyết Mai, 25/07/1986	371161234		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Điều dưỡng	01/07/2022	Hợp đồng toàn thời gian		12			

Ghi chú: Lý lịch khoa học của giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy của ngành đào tạo dự kiến mở được đính kèm.

MẪU 2: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Phạm Hùng Lực	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	9	3				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo, hướng dẫn luận văn
2	Lê Đức Tín	Tâm lý và đạo đức y học	5	2				
3	Đàm Văn Cương	Khoa học hành vi và giáo dục sức khỏe 1	4	2				
4	Trần Thị Thủy Hà	Lao và bệnh phổi	9	3				
5	Tô Mai Xuân Hồng	Y học xã hội và nhân học y học	6	2				
6	Nguyễn Chấn Phong	Y học gia đình	12	4				
7	Thái Viết Tặng	Bệnh học nội khoa 1	7	5				
8	Nguyễn Văn Thái	Giải phẫu bệnh	4	3				
9	Dương Thị Truyền	Sinh lý 1	4	3				
10	Phạm Hoàng Lai	Dân số học	11	2				
11	Nguyễn Ngọc Lê	Dược lý	5	3				

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
12	Hồ Anh Thủy	Sức khỏe tâm thần	10	3				
13	Hồ Ngọc Diệp	Giải phẫu 1	2	3				
14	Hoàng Thúy Oanh	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	5	4				
15	Huỳnh Minh Tâm	Giáo dục thể chất 1, 2, 3	1, 2, 3	3				
16	Huỳnh Văn Long	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2				
		Tư tưởng Hồ Chí Minh	9	2				
17	Huỳnh Võ Hữu Trí	Tin học cơ bản	1	3				
18	Lâm Xuân Thực Quyên	Khoa học hành vi và giáo dục sức khỏe 2	5	2				
19	Lê Đại Nghiệp	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	2	2				
20	Lê Nguyễn Thảo Chương	Mắt	10	3				
21	Lê Thị Minh Hân	Sức khỏe lứa tuổi	11	2				
22	Lý Huỳnh Liên Hương	Mô và phôi thai học	3	3				

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
23	Ngô Hồ Anh Khôi	Tin học ứng dụng chuyên ngành	12	3				
24	Ngô Thanh Thảo	Điều dưỡng cơ bản	4	3				
25	Nguyễn Chí Dũng	Pháp luật đại cương	2	2				
26	Nguyễn Hải Đăng	Lý sinh	2	3				
27	Nguyễn Hiếu Nghĩa	Thần kinh	11	3				
28	Nguyễn Hữu Thuận	Ký sinh trùng	3	3				
29	Nguyễn Huỳnh Bích Liễu	Sinh học và di truyền	1	3				
		Vi sinh	5	3				
30	Nguyễn Thanh Tân	Kinh tế y tế	8	2				
31	Nguyễn Thị Huệ	Phụ sản 1	8	5				
		Sức khỏe sinh sản	7	1				
32	Nguyễn Văn Phúc	Dịch tễ học 1	7	4				
33	Phạm Đình Quốc	Anh văn căn bản 1, 2, 3	1, 2, 3	9				
34	Phạm Minh Khánh	Truyền nhiễm	7	4				

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
35	Phạm Nông	Tổ chức và quản lý y tế	10	3				
36	Phan Thế Nhựt	Chẩn đoán hình ảnh	5	3				
37	Quách Ngọc Ngân	Nhi khoa 1	8	5				
38	Quách Võ Bích Thuận	Tai mũi họng	10	3				
39	Trần Chí Dũng	Triệu chứng nội khoa	6	5				
40	Trần Kim Cúc	Dịch tễ học 2	9	3				
41	Trần Lê Minh Thái	Triệu chứng ngoại khoa	6	5				
42	Trần Văn Thường	Bệnh học ngoại khoa 1	7	5				
43	Võ Hải Thắng	Răng hàm mặt	10	2				
44	Vũ Thị Tuyết Mai	Điều dưỡng cơ bản	4	3				

MẪU 3: Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học của cơ sở đào tạo

STT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
1	Thái Viết Tạng, Trưởng khoa	Tiến sĩ – Bác sĩ	Y khoa	
2	Nguyễn Văn Thái, Phó trưởng khoa	Tiến sĩ – Bác sĩ	Y khoa	

2. VỀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**MẪU 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở do cơ sở đào tạo thực hiện (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu).**

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
1.	482A/QĐ-ĐHNCT, ngày 05/09/2022, C21.05	Cấp cơ sở	Tính giá trị của thang đo findrisc trong phát hiện bệnh đái tháo đường tít 2 trên người trưởng thành tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ năm 2021	ThS.BS. Lê Nguyễn Trí Nhân				Lê Nguyễn Trí Nhân, Võ Duy Nhân, Lê Trung Khả, Nguyễn Thị Thu Hiền, Phạm Hùng Lực	

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HDKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
2.	482A/QĐ-ĐHNCT, ngày 05/09/2022, C21.04	Cấp cơ sở	Nghiên cứu tỷ lệ giảm vitamin D và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân bệnh thận mạn do đái tháo đường type 2	ThS. BS. Trần Lê minh Thái				ThS. BS. Hoàng Thúy Oanh	
3.	82A/QĐ-ĐHNCT, ngày 05/09/2022, C21.06	Cấp cơ sở	Nghiên cứu tình hình xuất hiện kháng thể kháng hồng cầu bất thường và các yếu tố liên quan ở bệnh nhân bệnh máu có truyền máu tại Bệnh viện Huyết học – Truyền máu Cần Thơ	CN. Lý Thị Tuyết Minh					
4.	304/QĐ-ĐHNCT, ngày 15/4/2023	Cấp cơ sở	Nghiên cứu chất lượng giấc ngủ và các yếu tố liên quan ở học sinh trung học phổ thông tại quận Ninh Kiều TP. Cần Thơ năm 2023-2024	BS. Nguyễn Thị Kim Xuyên					

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
5.	304/QĐ-ĐHNCT, ngày 15/4/2023	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình mô phỏng tiền lâm sàng chuyên ngành sản khoa – Khoa Y Đại học Nam Cần Thơ	ThS. BS. Nguyễn Thị Ánh Nguyệt				BSCKII. Nguyễn Thị Huệ BS. Lê Trung Khả	
6.	304/QĐ-ĐHNCT, ngày 15/4/2023	Cấp cơ sở	Đánh giá kết quả điều trị bằng Galantamin ở bệnh nhân suy giảm nhận thức sau nhồi máu não	ThS. BS. Hoàng Thúy Oanh					
7.	304/QĐ-ĐHNCT, ngày 15/4/2023	Cấp cơ sở	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, các yếu tố nguy cơ suy giảm nhận thức sau đột quỵ	ThS. BS. Hoàng Thúy Oanh					
8.	304/QĐ-ĐHNCT, ngày 15/4/2023	Cấp cơ sở	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và đánh giá kết quả giảm đau trên bệnh nhân thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng bằng bài thuốc Thân thống trực ứ thang kết	BS. Tạ Trung Nghĩa					

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
			hợp điện châm, kéo giãn cột sống và cứu âm tại bệnh viện Y học cổ truyền TP. Cần Thơ						
9.	304/QĐ-ĐHNCT, ngày 15/4/2023	Cấp cơ sở	Đánh giá kết quả điều trị bệnh viêm mũi xoang mạn tính có Polyp mũi tái phát bằng phẫu thuật nội soi mũi xoang tại bệnh viện Tai Mũi Họng Cần Thơ năm 2023	BSNT.CKI. Quách Võ Bích Thuận					
10.			Xoắn đỉnh (TdP) do ivabradine gây ra ở bệnh nhân sử dụng đồng thời metoprolol và thuốc lợi tiểu liều cao					Phillip Tran, Quoc Bui, Nicholas Germano, Ketan Koranne	

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
11.			Tổng hợp một vài hợp chất dạng Sulfonamide thông qua phản ứng sndmeyer và khảo sát hoạt tính kháng khuẩn Bacillus cereus					Nguyễn Duy Tuấn	
12.			Thiết kế, tổng hợp và đánh giá in Silico khả năng ức chế enzym histone deacetylase 8 (HDAC8) của một số dẫn xuất tương tự belinostat					Nguyễn Duy Tuấn	

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
13.			Nghiên cứu sự tương tác của romidepsin với enzyme HDAC6 và HDAC8 sử dụng công cụ autodock Interactive study of romidepsin with enzyme HDAC6 and HDAC8 by Autodock tool					Nguyễn Duy Tuấn	
14.			Phân tích phổ $^1\text{H-NMR}$ và cấu trúc sản phẩm dạng sulfonamide được tổng hợp bằng cách chlorosulfonyl hoá muối diazonium thông qua phản ứng sandmeyer					Nguyễn Duy Tuấn	

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HDKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
15.			Designs, Synthesis, Docking Studies, and Biological Evaluation of Novel Berberine Derivatives Targeting Zika Virus					Nguyễn Duy Tuấn	
16.			Novel aspartic chiral optical sensor based on β -cyclodextrin-functionalized CdTe nanoparticles					Nguyễn Duy Tuấn	

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
17.			Nghiên cứu tính hiệu quả và an toàn của kỹ thuật khoan cắt mảng xơ vữa cho những tổn thương mạch vành vôi hóa nặng không thể xuyên và/hoặc nông bằng bóng (Efficacy and safety of rotational atherectomy for un-crossable and/or un-dilatable coronary lesions with very severe calcification)					Ngô Minh Hùng, Võ Bùi Vĩnh Tùng, Nguyễn Văn Giáp, Nguyễn Trung Hậu, Nguyễn Thượng Nghĩa	

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
18.			Successful treatment of acute decompensated heart failure and severe symptomatic hyponatremia on the setting of absence of pulmonary artery by combining tolvaptan into standard regimen					Thanh Hoang MD, Hadrian Hoang-Vu Tran MD Hien Quang Nguyen MD, Luan Ngo MD, Doan Ngoc Chau Nguyen MD, Trang Thi Bich Le MD, Anh Tuan Mai MD, Khoa Ngoc Dang Tran MD, Kieu Minh Dat Ngo MD, Hai Duong Nguyen MD, Dat Huan Pham MD, Huong Tran MD, Mai Nguyen, Annalise Wille, Huynh Phuong Thao Tran MS, Minh Hung Ngo MD, PhD*	

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
19.			Role of intravenous vasopressor support in the setting of cardiogenic shock in takotsubo: phenylephrine as treatment					Hoang Nhat Pham MD, Hong Hieu Truong MD, Phan Thao Nguyen Tran MD, Hadrian Hoang-Vu Tran MD, Pham Thao Vy Le MD, Quang Phuc Vu MD, Ba Duong Huynh MD, Khoa Ngoc Dang Tran MD, Kieu Minh Dat Ngo MD, Dat Huan Pham MD, Hien Quang Nguyen MD, Duy Chung MD, Ha Phan Thanh Le MD, Thy M Tran MD, Tieu Linh Bui Thi MS, Thien Tan Tri Tai Truyen MD*, s Phillip Tran DO	

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
20.			Nhịp nhanh xoang không thích hợp sau phẫu thuật cắt bỏ một bên phổi trên bệnh nhân carcinoma phổi tế bào gai di căn tim (Inappropriate tachycardia post-pneumonectomy of squamous cell carcinoma with cardiac metastasis)					Hong Hieu Truong MD, Steven Pham DO, Phan Thao Nguyen Tran MD, Ba Duong Duong MD, Khoa Ngoc Dang Tran MD, Hadrian Hoang-Vu Tran MD, Hien Quang Nguyen MD, Minh Duy Nguyen, Thi Xuan Vien Phan MD PhD, Nghi Tran MD, Quang Dat Ha MD, Thanh Hoang MD, Thy M Tran MD, Chau Dang MD, Hoang Nhat Pham MD*, Phillip Tran DO	

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
21.			Một trường hợp hiếm gặp hở van hai lá thứ phát gây ra bởi bệnh cơ tim do loạn nhịp ở bệnh nhân lạm dụng cần sa (A rare case of secondary mitral regurgitation due to tachycardia-induced cardiomyopathy caused by chronic abuse of marijuana)					Chau Dang MD, Dinh Nhat Truong MD, Nghi Tran MD, Quang Dat Ha MD, Thi Xuan Vien Phan MD, PhD, Anh Tu Nguyen MD, Ba Duong Huynh, An Nguyen MD, Thoa Le MD, Anh Tu Hoang MD, Hien Hau Nguyen Thi MD, Quynh Chau Vo MD, Ngoc Y Nham Nguyen MD, Tuan-Phat Nguyen MD, Quang Đại Lê MS, Ca Phe Do Thi MS, Minh Hung Ngo MD PhD*	

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
22.			Kỹ thuật lấy ống thông bị kẹt do co thắt nghiêm trọng mạch tay khi tiếp cận qua động mạch quay trong can thiệp mạch vành qua da: trường hợp lâm sàng (Retrieval technique of a stuck catheter due to severe spasm of arm vessel during transradial intervention: a case report)					Nguyễn Ngọc Toàn MD, Ngô Minh Hùng MD, Nguyễn Thanh Huy MD, Nguyễn Trường Kha MD, Nguyễn Văn Giáp, Nguyễn Minh Thành, Nguyễn Thượng Nghĩa MD	

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
23.			Nghiên cứu giá trị dự đoán động mạch vành thủ phạm bằng điện tâm đồ ở bệnh nhân nhồi máu cơ tim cấp st chênh lên (Electrocardiographic prediction of culprit artery in acute st-segment elevation myocardial infarction)					Nguyễn Sinh Huy MD*, Huỳnh Lê Thái Bảo, Doan Ngoc Chau Nguyen, Anh Tuan Mai, Pham Thao Vy Le, Anh Tu Nguyen, Luan Ngo, Hai Duong Nguyen, Tuan-Phat Nguyen, Phillip Tran DO	
24.			Khởi phát nhịp nhanh thất ở bệnh nhân mắc hội chứng wolff-parkinson-white: báo cáo ca (New onset of ventricular tachycardia in the setting of wolff-parkinson-white syndrome: a case report)					Trang Thi Bich Le MD*, Quang Dat Ha MD, Thy M. Tran MD, Doan Ngoc Chau Nguyen MD, Van Anh Pham Ngoc MS, Huong Dung Nguyen Thi MS, Ngọc An Huỳnh Phan MS, Ha Phan Thanh Le MD, Duy	

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
								Chung MD, Hoang Tran Pham MD, Minh Hung Ngo MD PhD	
25.			Một trường hợp tái hẹp trong stent được điều trị bằng ivus và hút huyết khối trong lòng mạch vành (A case of in-stent restenosis treated by intracoronary aspiration and ivus)					Hoang Nhat Pham MD *, Phu Quang Ai Nguyen MS, Minh Thuan Nguyen MS, Le Chau Doan Dang MS, Thi Xuan Vien Phan MD, Nghi Tran MD, Thanh Thi Hoang MD, Quang Phuc Vu MD, Huong Tran MD, Phillip Tran MO	
26.			Medication Adherence of Vietnamese outpatients with chronic diseases during the COVID-19 pandemic					Xuyen Thi Kim Nguyen	

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HDKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
27.			Bệnh viêm đường hô hấp cấp COVID-19 do chủng vi-rút SARS-COV-2 dưới góc nhìn của bác sĩ gia đình					Phạm Hùng Lực, Lê Nguyễn Trí Nhân, Nguyễn Thị Thu Hiền, Nhóm sinh viên khoa Y	

MẪU 5: Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1.	Nguyen D.T (2021), “ <i>Tổng hợp một vài hợp chất dạng Sulfonamide thông qua phản ứng sandmeyer và khảo sát hoạt tính kháng khuẩn Bacillus cereus</i> ”, <i>Tạp chí phân tích Hoá, Lý và Sinh học</i> , Tập 26, Số 2/2021	
2.	Nguyen D.T (2021), “ <i>Thiết kế, tổng hợp và đánh giá in Silico khả năng ức chế enzym histone deacetylase 8 (HDAC8) của một số dẫn xuất tương tự belinostat</i> ”, <i>Tạp chí phân tích Hoá, Lý và Sinh học</i> , Tập 26, Số 2/2021	
3.	Nguyen D.T (2021), “ <i>Nghiên cứu sự tương tác của romidepsin với enzyme HDAC6 và HDAC8 sử dụng công cụ autodock</i> ”, <i>Interactive study of romidepsin with enzyme HDAC6 and HDAC8 by Autodock tool</i> ”, <i>Tạp chí phân tích Hoá, Lý và Sinh học</i> , Tập 26, Số 1/2021	
4.	Nguyen D.T (2021), “ <i>Phân tích phổ ¹H-NMR và cấu trúc sản phẩm dạng sulfonamide được tổng hợp bằng cách chlorosulfonyl hoá muối diazonium thông qua phản ứng sandmeyer</i> ”, <i>Tạp chí phân tích Hoá, Lý và Sinh học</i> , Tập 26, Số 1/2021	
5.	Nguyen D.T (2021), “ <i>Designs, Synthesis, Docking Studies, and Biological Evaluation of Novel Berberine Derivatives Targeting Zika Virus</i> ”, <i>Journal of Chemistry</i>	
6.	Vo D.N (2021), “ <i>Evaluation of SARS-CoV-2 inhibition of some compounds in CYMBOPOGON CITRATUS oil combining docking and molecular dynamics simulations</i> ”, <i>Vietnam Journal of Chemistry</i>	
7.	Nguyen D.T (2021), “ <i>Novel aspartic chiral optical sensor based on β-cyclodextrin-functionalized CdTe nanoparticles</i> ”, <i>Inorganic Chemistry Communications</i>	
8.	Ngo M.H & cộng sự (2022), “ <i>Nghiên cứu tính hiệu quả và an toàn của kỹ thuật khoan cắt mảng xơ vữa cho những tổn thương mạch vành với hóa nặng không thể xuyên và/hoặc nong bằng bóng</i> ”, <i>Tạp chí KH& KT phát triển ĐH Nam Cần Thơ</i>	
9.	Ngo M.H & cộng sự (2022), “ <i>Successful treatment of acute decompensated heart failure and severe symptomatic hyponatremia on the setting of absence of pulmonary artery by combining tolvaptan into standard regimen</i> ”, <i>Tạp chí KH& KT phát triển ĐH Nam Cần Thơ</i>	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
10.	Tran V.P (2022), “Role of intravenous vasopressor support in the setting of cardiogenic shock in takotsubo: phenylephrine as treatment”, <i>Tạp chí KH& KT phát triển ĐH Nam Cần Thơ</i>	
11.	Tran V.P (2022), “Inappropriate tachycardia post-pneumonectomy of squamous cell carcinoma with cardiac metastasis”, <i>Tạp chí KH& KT phát triển ĐH Nam Cần Thơ</i>	
12.	Ngo M.H (2022), “A rare case of secondary mitral regurgitation due to tachycardia-induced cardiomyopathy caused by chronic abuse of marijuana”, <i>Tạp chí KH& KT phát triển ĐH Nam Cần Thơ</i>	
13.	Ngo M.H (2022), “Retrieval technique of a stuck catheter due to severe spasm of arm vessel during transradial intervention: a case report”, <i>Tạp chí KH& KT phát triển ĐH Nam Cần Thơ</i>	
14.	Tran V.P (2022), “Electrocardiographic prediction of culprit artery in acute st-segment elevation myocardial infarction”, <i>Tạp chí KH& KT phát triển ĐH Nam Cần Thơ</i>	
15.	Ngo M.H (2022), “New onset of ventricular tachycardia in the setting of wolff-parkinson-white syndrome: a case report”, <i>Tạp chí KH& KT phát triển ĐH Nam Cần Thơ</i>	
16.	Tran V.P (2022), “A case of in-stent restenosis treated by intracoronary aspiration and ivus”, <i>Tạp chí KH& KT phát triển ĐH Nam Cần Thơ</i>	
17.	Nguyen M.C (2022), “Involvement of Pharmacy Students in Scientific Research Activities”, <i>Currents in Pharmacy Teaching and Learning (SCIE, Scopus Q1)</i>	
18.	Nguyen T.K.X et al (2022), “Medication Adherence of Vietnamese Outpatients with Chronic Diseases during the COVID-19 Pandemic”, <i>Tropical Medicine and Infectious disease</i> , pp. 11.	
19.	Nguyen A.N (2022), “TG/HDL-C Ratio is a risk factor associated with CKD: Use in assessing the risk of progression of CKD”, <i>Pathophysiology</i>	
20.	Pham H.L và cộng sự (2022), “Bệnh viêm đường hô hấp cấp COVID-19 do chủng vi-rút SARS-COV-2 dưới góc nhìn của bác sĩ gia đình”, <i>Tạp chí KH& KT phát triển ĐH Nam Cần Thơ</i>	
21.	Le N.T.N et al (2022), “Tính giá trị của thang đo FINDRISC trong phát hiện bệnh lý đái tháo đường tít 2 trên người trưởng	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	<i>thành tại huyện Phong Điền thành phố Cần Thơ”, Tạp chí Y Dược học Cần Thơ, số 50, 08/2022, trang 33-40.</i>	
22.	Tran L.M.T (2022), “ <i>Nghiên cứu tỷ lệ giảm vitamin D và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân bệnh thận mạn do đái tháo đường type 2</i> ”	
23.	Truyen T.T.T.T (2023), “ <i>Thay van xâm lấn tối thiểu và thủ thuật cox-maze iv kèm theo trong đảo ngược phủ tạng toàn bộ: một báo cáo ca lâm sàng</i> ”, <i>Tạp Chí Tim Mạch Trường Môn Tim Mạch Hoa Kỳ</i> , 3/2023	
24.	Truyen T.T.T.T (2023), “ <i>Điều trị thành công thuyên tắc ối biến chứng ngừng tim nhiều lần bằng va-ecmo</i> ”, <i>Tạp Chí Tim Mạch Trường Môn Tim Mạch Hoa Kỳ</i> , 3/2023	
25.	Truyen T.T.T.T (2023), “ <i>Cơn bão điện tái phát trong ở bệnh nhân cấy máy khử rung (icd) do qt dài gây ra bởi amiodarone: khi quá nhiều cũng tệ như quá ít</i> ”, <i>Tạp Chí Tim Mạch Trường Môn Tim Mạch Hoa Kỳ</i> , 3/2023	

Ghi chú: Công trình khoa học được liệt kê theo quy tắc sau:

- Họ tên tác giả, chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), *tên sách*, lần xuất bản, nhà xuất bản, nơi xuất bản.
- Họ và chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), ‘*Tên bài viết*’, *tên tập san*, số, ki/thời gian phát hành, số trang.
- Tác giả (Năm xuất bản), *tên tài liệu*, đơn vị bảo trợ thông tin, ngày truy cập.
- Họ tác giả, chữ viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), ‘*Tiêu đề bài viết*’, *[trong] tên kỷ yếu*, địa điểm và thời gian tổ chức, nhà xuất bản, nơi xuất bản, số trang.

3. VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, THƯ VIỆN PHỤC VỤ CHO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

MẪU 6: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo dự kiến mở trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Học phần /môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu		13,387			
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	4	2,335	Hội thảo	(1, 1)	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	24	3,725	Lý thuyết	(1, 1)	
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	50	5,108	Lý thuyết	(1, 1)	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	0	-			
1.5	Số phòng học đa phương tiện	13	1,638	Báo cáo, chuyên đề	(2, 1)	
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	21	580			
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	3,504			
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	64	46,555			

MẪU 7: Thư viện

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Bệnh học nội khoa Tập 2	Ngô Quý Châu...[et al.]	Y học, 2018	2	Bệnh học nội khoa 1		7, 4	
2	Bệnh học nội khoa tập 1	GS.Ngô Quý Châu (Chủ biên)- GS.TS. Nguyễn Lâm Việt- PGS.TS. Nguyễn Đạt Anh- GS. TS. Phạm Quang Vinh	Y học, 2018	3	Bệnh học nội khoa 1		7, 4	
3	Hiểm họa từ bệnh nhiễm trùng	Trần Hoàng Hiệp	Kim Đồng, 2018	3	Truyền nhiễm		7,4	
4	Hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành phụ - sản : Ban hành kèm theo Quyết định số 1377/QĐ-BYT ngày 24 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế	Nguyễn Viết Tiên (Chủ biên)	Y học, 2018	5	Phụ sản 1		8, 4	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
5	Hướng dẫn chuẩn đoán và điều trị các bệnh cơ xương khớp: Ban hành kèm theo Quyết định số 361/QĐ-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế	Nguyễn Thị Xuyên (chủ biên),...[et al]	Y học, 2018	5	Bệnh học ngoại khoa 1		7, 4	
6	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ - ứng dụng lâm sàng	Vũ Văn Chân	Đại học Huế, 2018	5	Chẩn đoán hình ảnh		5, 3	
7	Giải phẫu học Tập 2 Module: Tiêu hóa - Sinh sản - Cơ xương khớp - Thần kinh - Nội tiết - Giác quan Chương trình Y đa khoa đổi mới	Nguyễn Hoàng Vũ (chủ biên); Lê Văn Cường, Dương Văn Hải...(biên soạn)	Y học, 2018	5	Giải phẫu 2		3, 2	
8	Giải phẫu học Tập 1 Giải phẫu đại cương Module: Tim mạch - Hô hấp - Tiết niệu Chương trình Y đa khoa đổi mới	Nguyễn Hoàng Vũ (chủ biên); Nguyễn Xuân Anh, Lê Văn Cường, ...(biên soạn)	Y học, 2018	5	Giải phẫu 1		2, 1	
9	Giải phẫu bệnh học	Nguyễn Văn Hưng (chủ biên); Vũ Công Hòe, Trịnh Quang Huy, ...(biên soạn)	Y học, 2018	5	Giải phẫu bệnh		4, 2	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
10	Atlas giải phẫu người	i Frank H. Netter, MD; Nguyễn Quang Quyền, Phạm Đăng Diệu (người dịch)	Y học, 2018	2	Giải phẫu 1		2, 1	
11	Sinh lý bệnh và miễn dịch phần sinh lý bệnh học: Sách đào tạo bác sĩ đa khoa	Văn Đình Hoa, Nguyễn Ngọc Lanh (chủ biên)	Y học, 2018	5	Sinh lý bệnh - Miễn dịch		5, 3	
12	Điều dưỡng cơ bản I: Dùng cho đào tạo cử nhân điều dưỡng	Lê Thị Bình (chủ biên); Nguyễn Đạt Anh, Nguyễn Thị Thanh Hương (biên soạn)	Giáo dục Việt Nam, 2018	5	Điều dưỡng cơ bản		4, 2	
13	Thủ thuật sản phụ khoa	Phạm Bá Nha và cộng sự	Y học, 2018	5	Phụ sản 1		8, 4	
14	Quy trình kỹ thuật điều dưỡng nhi khoa	Trương Quang Định (chủ biên); Nguyễn Minh Tiến, Nguyễn Thị Thu Hà,...(biên soạn)	Y học, 2018	5	Điều dưỡng cơ bản		4, 2	
15	Giải phẫu chi trên - chi dưới	Phạm Đăng Diệu	Y học, 2018	5	Giải phẫu bệnh		4, 2	
16	Dược thư quốc gia Việt Nam = Vietnamese National drug pormulary	Bộ y tế	Y học, 2018	4	Dược lý		5, 3	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
17	Dược điển Việt Nam Tập 1 = Pharmacopoeia Vietnamica	Bộ y tế	Y học, 2018	5	Dược lý		5, 3	
18	Dược điển Việt Nam Tập 2 = Pharmacopoeia Vietnamica	Bộ y tế	Y học, 2018	5	Dược lý		5, 3	
19	Dược lý học : (dùng cho đào tạo bác sĩ đa khoa)	Đào Văn Phan (chủ biên); Vũ Thị Ngọc Thanh, Nguyễn Trọng Thông,...(biên soạn)	Giáo dục Việt Nam, 2018	5	Dược lý		5, 3	
20	Phôi thai y học Langman	Thomas W. Sadler; Nguyễn Trí Dũng (dịch)	Y học, 2018	2	Mô và phôi thai học		3, 2	
21	Sinh lý học y khoa	Chủ biên: Trần Văn Ngọc, Nguyễn Thị Lệ	Y học, 2018	1	Sinh lý 1		3, 2	
22	Hồi sức cấp cứu toàn tập	Vũ Văn Đình, Nguyễn Quốc Anh (Chủ biên)	Y học, 2019	1				
23	Hệ miễn dịch = The beautiful cure: Khám phá cơ chế tự phòng chữa bệnh của cơ thể người	Daniel M. Davis; Trương Duy Hiệu, Trần Tuấn Hiệp (Dịch)	Dân trí, 2020	5	Sinh lý bệnh - Miễn dịch		5, 3	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
24	Nội kinh	Trần Thuý, Vũ Nam, Nguyễn Nhược Kim (Chủ biên)	Y học, 2018	10	Thần kinh		11, 6	
25	Câu hỏi trắc nghiệm hoá hữu cơ: Sách đào tạo dược sĩ đại học	Nguyễn Quang Đạt, Đinh Thị Thanh Hải (Chủ biên); Vũ Trần Anh,...[et.al] (Biên soạn)	Y học, 2018	10	Hóa sinh		4, 2	
26	Điều dưỡng trong tim mạch	Phạm Mạnh Hùng (Chủ biên); Nguyễn Ngọc Quang, Phan Đình Phong,...[et.al] (Biên soạn)	Y học, 2019	10	Điều dưỡng cơ bản		4, 2	
27	Bài giảng Triệu chứng học ngoại khoa: Dùng cho sinh viên năm thứ ba	Đoàn Quốc Hưng, Hà Văn Quyết, Phạm Đức Huân (Chủ biên); Tôn Thất Bách, Nguyễn Ngọc Bích,...[et.al] (Biên soạn)	Y học, 2020	10	Triệu chứng ngoại khoa		6, 3	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
28	Xác suất và thống kê	Nguyễn Phan Dũng (Chủ biên.); Quách Thị Sen, Phạm Thị Hồng Cẩm (Biên soạn)	Y học, 2018	10	Xác suất y học		2, 1	
29	Giáo trình dịch tễ học một số bệnh phổ biến	Đào Thị Minh An (Chủ biên); Nguyễn Trần Hiền, Nguyễn Minh Sơn,...[et.al] (Biên soạn)	Y học, 2019	10	Dịch tễ học 1		7, 4	
30	Dược cộng đồng : Sách đào tạo dược sĩ đại học	Nguyễn Thanh Bình, Đỗ Xuân Thắng (Chủ biên) ; Lã Thị Quỳnh Liên...[et.al]	Y học, 2020	10	Dược lý		5, 3	
31	Giải phẫu X - quang Sách đào tạo cử nhân kỹ thuật y học (Chuyên ngành kỹ thuật hình ảnh)	Nguyễn Doãn Cường (Chủ biên); Võ Bá Tùng, Nguyễn Hoàng Vũ (Biên soạn)	Y học, 2018	10	Chẩn đoán hình ảnh		5, 3	
32	Giải phẫu hệ thống: Dùng cho sinh viên cử nhân y học	Trần Sinh Vương, Vũ Bá Anh (Chủ biên); Ngô Xuân Khoa, Ngô Văn Đăng,...[et.al] (Biên soạn)	Y học, 2018	10	Giải phẫu 1		2, 1	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
33	Bài giảng phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ cơ bản	Trần Thiết Sơn (Chủ biên); Nguyễn Bắc Hùng,...[et.al] (Biên soạn)	Y học, 2020	10	Răng hàm mặt		10, 5	
34	Các vấn đề cơ bản trong phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ: Phần III Đầu mặt cổ	Trần Thiết Sơn (Chủ biên) ; Nguyễn Huy Phan,...[et.al] (Biên soạn)	Y học, 2020	10	Răng hàm mặt		10, 5	
35	Các vấn đề cơ bản trong phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ: Phần I Đại cương	Trần Thiết Sơn (Chủ biên); Nguyễn Bắc Hùng,...[et.al] (Biên soạn)	Y học, 2018	10	Răng hàm mặt		10, 5	
36	Sinh lý bệnh - Miễn dịch : Dành cho sinh viên khối ngành khoa học sức khỏe	Trần Ngọc Dung, Đỗ Hoàng Long (Chủ biên)	Y học, 2020	15	Sinh lý bệnh - Miễn dịch		5, 3	
37	Cẩm nang sơ cấp cứu trẻ em : Hướng dẫn xử trí nhanh và hiệu quả những tai nạn thường gặp ở trẻ em	Tổ chức giáo dục sức khỏe Wellbeing	Dân trí, 2019	2	Nhi khoa 1		8, 4	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
38	Phác đồ điều trị bệnh ngoại trú	Lê Thanh Chiến (chủ biên); Lê Nguyễn Quyền,...[et al.]	Y Học, 2018	1	Bệnh học nội khoa 1		7, 4	
39	Tiền lâm sàng - Tập 1 : kỹ năng y khoa cơ bản	Nguyễn Trung Kiên, Nguyễn Thị Diễm (chủ biên)	Y Học, 2019	5	Huấn luyện kỹ năng		5, 3	
40	Tiền lâm sàng - Tập 2: kỹ năng chuyên khoa cơ bản	Nguyễn Trung Kiên, Nguyễn Minh Phương (chủ biên)	Y Học, 2020	5	Huấn luyện kỹ năng		5, 3	
41	Braunwald's heart disease: A textbook of cardiovascular medicine Volume 1	Douglas P. Zipes, Peter Libby, Robert O. Bonow,...[et al.]	Elsevier, 2019	1	Bệnh học ngoại khoa 1		7, 4	
42	Braunwald's heart disease: A textbook of cardiovascular medicine Volume 2	Douglas P. Zipes, Peter Libby, Robert O. Bonow,...[et al.]	Elsevier, 2019	1	Bệnh học ngoại khoa 1		7, 4	
43	Pocket Medicine: The Massachusetts General Hospital Handbook of Internal Medicine	Marc S. Sabatine	Wolters Kluwer, 2021	1	Y học gia đình		12, 6	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
44	Bệnh học Nội khoa Thận - Tiết niệu : Giáo trình dùng cho đào tạo sau đại học Tập 1	Đỗ Gia Tuyển (Chủ biên); Hà Phan Hải An, Đặng Thị Việt Hà...[et al.]	Y học, 2021	1	Bệnh học nội khoa 1		7, 4	
45	Bệnh học Nội khoa Thận - Tiết niệu: Giáo trình dùng cho đào tạo sau đại học Tập 2	Đỗ Gia Tuyển (Chủ biên); Hà Phan Hải An, Đặng Thị Việt Hà...[et al.]	Y học, 2021	1	Bệnh học nội khoa 1		7, 4	
46	The washington manual of medical therapeutics	Zachary Crees, Cassandra Fritz, Alonso Heudebert,...[et al.]	Wolters Kluwer, 2020	1	Y học gia đình		12, 6	
47	Bệnh cao huyết áp và cách điều trị	Hoàng Thuý (Biên soạn)	Dân trí, 2020	1	Bệnh học nội khoa 1		7, 4	
48	Bệnh dạ dày và cách điều trị	Hoàng Thuý (Biên soạn)	Hồng Đức, 2021	1	Bệnh học ngoại khoa 1		7, 4	
49	Bệnh rối loạn tiền đình và cách điều trị	Hoàng Thuý (Biên soạn)	Dân trí, 2020	1	Bệnh học ngoại khoa 1		7, 4	
50	Bệnh phụ nữ và cách điều trị	Hoàng Thuý (Biên soạn)	Dân trí, 2020	1	Bệnh học ngoại khoa 1		7, 4	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
51	Bệnh khớp, gout và cách điều trị	Hoàng Thuý (Biên soạn)	Hồng Đức, 2021	1	Bệnh học ngoại khoa 1		7, 4	
52	Bệnh nam giới và cách điều trị	Hoàng Thuý (Biên soạn)	Hồng Đức, 2021	1	Bệnh học ngoại khoa 1		7, 4	
53	Bệnh hô hấp, hen suyễn và cách điều trị	Hoàng Thuý (Biên soạn)	Hồng Đức, 2021	1	Bệnh học nội khoa 1		7, 4	
54	Bệnh đột quỵ và cách điều trị	Hoàng Thuý (Biên soạn)	Hồng Đức, 2021	1	Bệnh học ngoại khoa 1		7, 4	
55	Bệnh gan và cách điều trị	Lan Anh (Biên soạn)	Hồng Đức, 2020	1	Bệnh học ngoại khoa 1		7, 4	
56	Bệnh máu nhiễm mỡ và cách điều trị	Lê Anh Sơn (Biên soạn)	Hồng Đức, 2020	1	Bệnh học nội khoa 1		7, 4	
57	Bệnh đau đầu và cách điều trị	Hoàng Thuý (Biên soạn)	Hồng Đức, 2020	1	Bệnh học ngoại khoa 1		7, 4	
58	Cơ thể ta hoạt động thế nào?	David Stewart; Carolyn Franklin (Minh hoạ); Trịnh Huy Triều (Dịch)	Trẻ, 2021	1	Bệnh học ngoại khoa 1		7, 4	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
59	Tất tần tật về cơ thể người = Ultimate bodypedia : Những chuyển thám hiểm kỳ thú bên trong cơ thể	Christina Wilsdon, Patricia Daniels, Jen Agresta; Dữ Ngọc Hiền, Đào Thanh Hải (Dịch); Cynthia Turner (Minh hoạ)	Trẻ, 2021	1	Bệnh học ngoại khoa 1		7, 4	
60	Cầm nang thông tim và chụp mạch chẩn đoán	Nguyễn Thượng Nghĩa, Ngô Minh Hùng (Chủ biên)	Y học, 2021	20	Bệnh học ngoại khoa 1		7, 4	
61	Giáo dục đạo đức cho sinh viên ngành y khu vực Nam Bộ Việt Nam hiện nay	Trần Thị Hồng Lê	Chính trị Quốc gia sự thật, 2019	5	Tâm lý và đạo đức y học		5, 3	
62	Giải phẫu bệnh học	Nguyễn Văn Hưng (Chủ biên); Vũ Công Hòe, Vi Huyền Trác,...[et al.]	Y học, 2020	3	Giải phẫu bệnh		4, 2	
63	Phòng và hỗ trợ điều trị các bệnh rối loạn chuyển hoá	Đái Duy Ban, Phạm Công Hoạt, Nguyễn Việt Phương, Lê Huỳnh Thanh Phương	Thế giới, 2021	3				

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
64	Triệu chứng học nội khoa Tập 2	Đỗ Gia Tuyển, Trần Ngọc Ánh, Nguyễn Hà Thanh,...[et al.] (Chủ biên)	Y học, 2021	3	Triệu chứng nội khoa 1		7, 4	
65	Triệu chứng học nội khoa Tập 1	Đỗ Gia Tuyển, Ngô Quý Châu, Đặng Quốc Tuấn,...[et al.] (Chủ biên)	Y học, 2021	3	Triệu chứng nội khoa 1		7, 4	
66	Hóa sinh: Sách đào tạo bác sĩ đa khoa	Tạ Thành Văn, Đặng Thị Ngọc Dung (Chủ biên); Trần Huy Thịnh,...[et al.] (Biên soạn)	Y học, 2020	3	Hóa sinh		4, 2	
67	Độc hiểu kết quả xét nghiệm máu = Your blood never lies: Để sống lâu, khỏe mạnh	James B. LaValle ; Bách Nguyễn (Dịch)	Đại học Huế, 2021	3	Điều dưỡng cơ bản		4, 2	
68	Bài giảng Triệu chứng học ngoại khoa: Dùng cho sinh viên năm thứ ba	Đoàn Quốc Hưng, Hà Văn Quyết, Phạm Đức Huân (Chủ biên); Tôn Thất Bách, Nguyễn Ngọc Bích,...[et.al] (Biên soạn)	Y học, 2021	3	Triệu chứng ngoại khoa		6, 3	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
69	Bài giảng Bệnh học ngoại khoa: Dùng cho sinh viên năm thứ tư	Đoàn Quốc Hưng, Hà Văn Quyết, Phạm Đức Huân (Chủ biên); Trần Hiếu Học,...[et al.] (Biên soạn)	Y học, 2021	3	Bệnh học ngoại khoa 1		7, 4	
70	Bài giảng Bệnh học ngoại khoa: Dùng cho sinh viên năm thứ sáu	Đoàn Quốc Hưng (Chủ biên); Nguyễn Tiến Quyết, Phạm Đức Huân,...[et al.] (Biên soạn)	Y học, 2020	3	Bệnh học ngoại khoa 1		7, 4	
71	Bệnh học ngoại khoa chấn thương chỉnh hình : Dùng cho đào tạo sau đại học	Đoàn Quốc Hưng, Trần Trung Dũng (Chủ biên) ; Ngô Văn Toàn,...[et al.] (Biên soạn)	Y học, 2021	3	Bệnh học ngoại khoa 1		7, 4	
72	Nelson textbook of pediatrics Volume 1	Robert M. Kliegman, Joseph W. ST Geme, Nathan J. Blum,...[et al.]	Elsevier, 2020	1	Nhi khoa 1		8, 4	
73	Nelson textbook of pediatrics Volume 2	Robert M. Kliegman, Joseph W. ST Geme, Nathan J. Blum,...[et al.]	Elsevier, 2020	1	Nhi khoa 1		8, 4	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
74	Rudolph's pediatrics Volume 2	Mark W. Kline (Editor-in-chief); Susan M Blaney, Angelo P. Giardino,...[et al.] (Editors)	McGraw-Hill Education, 2018	1	Nhi khoa 1		8, 4	
75	Rudolph's pediatrics Volume 1	Mark W. Kline (Editor-in-chief); Susan M Blaney, Angelo P. Giardino,...[et al.] (Editors)	McGraw-Hill Education, 2018	1	Nhi khoa 1		8, 4	
76	Pathophysiology	Jacquelyn L. Banasik, Lee-Ellen C. Copstead	Elsevier, 2019	1	Sinh lý bệnh - Miễn dịch		5, 3	
77	Phục hồi chức năng : Dành cho bác sĩ định hướng chuyên khoa	Cao Minh Châu (Chủ biên); Nguyễn Xuân Nguyên, Trần Văn Chương,...[et.al] (Biên soạn)	Y học, 2019	5	Phục hồi chức năng		9, 5	
78	Hiểu mụn để hết mụn	Mai Thu Đường, Trần Ngọc Nhân (Chủ biên)	Y học, 2020	2	Da liễu		9, 5	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
79	Khoa học về làn da	Phạm Minh Hữu Tiến (Biên soạn)	Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2020	2	Da liễu		9, 5	
80	Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh da liễu: Ban hành tài liệu "Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh da liễu"	Nguyễn Thị Xuyên, Trần Hậu Khang, Lương Ngọc Khuê (Chủ biên)	Y học, 2020	2	Da liễu		9, 5	
81	Da liễu cơ bản	Văn Thế Trung (Chủ biên); Nguyễn Thị Hồng Chuyên, Lê Ngọc Diệp,...[et al.] (Biên soạn)	Y học, 2020	2	Da liễu		9, 5	
82	Các hoạt chất thay da hóa học ứng dụng trong da liễu thẩm mỹ	Phạm Minh Hữu Tiến	Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2020	2	Da liễu		9, 5	
83	Các hoạt chất Mesotherapy ứng dụng trong da liễu thẩm mỹ	Phạm Minh Hữu Tiến	Y học, 2019	2	Da liễu		9, 5	

MẪU 8: Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo dự kiến mở

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Bàn mổ động vật		4	Cái	Sinh học và Di Truyền, Mô và Phôi thai học	1, 3		
2	Buồng Đếm Haemocytometer – Neubauer Improved		20	Bộ	Dịch tể học 1, 2	7, 9		
3	KHV Olympus CX23		15	Cái	Sinh học và Di Truyền, Mô và Phôi thai học, Ký sinh trùng	1, 3		
4	Kính hiển vi Olympus CX23		30	Cái	Sinh học và Di Truyền, Mô và Phôi thai học, Ký sinh trùng	1, 3		
5	Kính hiển vi soi nổi Kruss MSL4000-20/40-IL-TL		4	Cái	Sinh học và Di Truyền, Mô và Phôi thai học, Ký sinh trùng	1, 3		

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
6	Kính hiển vi Camera BX 43 Camera: DP 22		3	Cái	Sinh học và Di Truyền, Mô và Phôi thai học, Ký sinh trùng	1, 3		
7	Máy đo chức năng hô hấp MINISPIR NEW		3	Cái	Điều dưỡng cơ bản, Bệnh học ngoại khoa 1, Triệu chứng ngoại khoa	4, 7		
8	Máy đo điện tim 3-6 kênh Fukuda Denshi (FX-8200)		3	Bộ	Triệu chứng nội khoa, Bệnh học nội khoa 1	6, 7		
9	Máy đo độ ẩm MA37-1		3	Cái	Sinh lý 1, 2, Sinh lý bệnh – Miễn dịch	3, 4, 5		
10	Máy đo đồ thị tim ếch		3	Cái	Sinh học và Di Truyền, Mô và Phôi thai học	1, 3		
11	Máy đo pH ST 3100F		4	Cái	Sinh lý 1, 2, Sinh lý bệnh – Miễn dịch	3, 4, 5		

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
12	Máy đo tốc độ lắng máu Microsed-System		3	Cái	Triệu chứng nội khoa, Bệnh học nội khoa 1	6, 7		
13	Máy khuấy từ gia nhiệt C-MAG HS7		10	Cái				
14	Máy lắc trộn (vortex)		4	Cái	Triệu chứng nội khoa, Bệnh học nội khoa 1	6, 7		
15	Máy ly tâm 12 ống Z206A		5	Cái	Triệu chứng nội khoa, Bệnh học nội khoa 1	6, 7		
16	Máy ly tâm Hematorit		5	Cái	Sinh lý 1, 2, Sinh lý bệnh – Miễn dịch	3, 4, 5		
17	Máy phân tích nước tiểu 11 thông số		3	Cái	Sinh lý 1, 2, Sinh lý bệnh – Miễn dịch	3, 4, 5		
18	Máy quay ly tâm 12 ống Z206A		4	Cái	Hóa sinh	4		
19	Máy sinh hóa bán tự động Chem-7		10	Cái	Hóa sinh	4		
20	Máy vortex (máy lắc RS – VA10)		8	Cái	Hóa sinh	4		
21	Quang phổ kế Model: OD600		4	Cái	Hóa sinh	4		

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
22	Thiết đồ GP Đầu + MRI		3	Bộ	Chẩn đoán hình ảnh	5		
23	Tim HS/2		3	Bộ	Triệu chứng nội khoa, Bệnh học nội khoa 1	6, 7		
24	Tủ âm IN110 – Memmert		4	Cái	Sinh học và Di Truyền, Mô và Phôi thai học, Ký sinh trùng	1, 3		
25	Tủ âm Memmert IN10		3	Cái	Sinh học và Di Truyền, Mô và Phôi thai học, Ký sinh trùng	1, 3		
26	Tủ cấy vô trùng an toàn cấp 2 LA2-4A1-E		4	Cái	Sinh học và Di Truyền, Mô và Phôi thai học, Ký sinh trùng	1, 3		
27	Tủ sấy 108L UN110		3	Cái	Sinh học và Di Truyền, Mô và Phôi thai học, Ký sinh trùng	1, 3		

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
28	Tủ ủ vi sinh LIB-060M		3	Cái	Sinh học và Di Truyền, Mô và Phôi thai học, Ký sinh trùng	1, 3		
29	Máy đo SPO2		5	Cái	Điều dưỡng cơ bản, Bệnh học ngoại khoa 1, Triệu chứng ngoại khoa	4, 7		
30	Máy Khí Máu		2	Cái	Điều dưỡng cơ bản, Bệnh học ngoại khoa 1, Triệu chứng ngoại khoa	4, 7		
31	Máy tạo Oxy		2	Cái	Điều dưỡng cơ bản, Bệnh học ngoại khoa 1, Triệu chứng ngoại khoa	4, 7		
32	Mô hình Bàn chân		4	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
33	Mô hình Bàn tay		4	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
34	Mô hình bộ xương người nhân tạo		4	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
35	Mô hình cấu tạo khung chậu nữ 5P		3	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
36	Mô hình cơ chân 9 phần		3	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
37	Mô hình Cơ Chi dưới, 7 phần		3	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
38	Mô hình Cơ Chi dưới, 9 phần		3	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
39	Mô hình Cơ Chi trên, 6 phần		3	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
40	Mô hình cơ người nữ hoàn chỉnh		3	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
41	Mô hình Cơ toàn thân, 2 phần		3	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
42	Mô hình Cơ toàn thân, 21 phần		3	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
43	Mô hình Cột sống		3	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
44	Mô hình cung răng hàm trên và hàm dưới		3	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
45	Mô hình đầu mặt cổ, mạch máu, thần kinh		3	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
46	Mô hình Đáy chậu 4 phần (Female Pelvis and pelvis floor, 5 part)		3	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
47	Mô hình Đáy chậu nữ (6 part female pelvis anatomy model with ligaments vessels nerves pelvis floor & organs)		3	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2, Phụ sản 1	2, 3, 8		
48	Mô hình giải phẫu bán thân phủ tạng tháo rời (não, tim, phổi, gan, dạ dày, ruột, cơ quan sinh dục)		3	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
49	Mô hình giải phẫu các cơ đầu, cổ và não		4	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
50	Mô hình giải phẫu các phân thùy phổi		3	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
51	Mô hình giải phẫu cây phế quản		3	Cái	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
52	Mô hình giải phẫu cơ quan sinh dục nam		4	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
53	Mô hình giải phẫu cơ quan sinh dục nữ		4	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2, Phụ sản 1	2, 3, 8		
54	Mô hình giải phẫu gan và túi mật		3	Cái	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
55	Mô hình giải phẫu hệ cơ chi dưới		4	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
56	Mô hình giải phẫu hệ cơ chi trên		4	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
57	Mô hình giải phẫu hệ thần kinh		3	Cái	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
58	Mô hình giải phẫu hệ tiết niệu		3	cái	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
59	Mô hình giải phẫu hệ tiêu hoá		3	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
60	Mô hình giải phẫu hệ tuần hoàn		4	Cái	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
61	Mô hình giải phẫu hộp sọ và xương hàm dưới		3	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
62	Mô hình giải phẫu não người		5	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
63	Mô hình giải phẫu nhân cầu		3	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
64	Mô hình giải phẫu tai		4	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
65	Mô hình giải phẫu tai mở rộng tháo rời		3	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
66	Mô hình giải phẫu thận và tiểu cầu thận		3	Cái	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
67	Mô hình giải phẫu thanh quản, khí quản, phế quản		3	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
68	Mô hình giải phẫu tim		3	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
69	Mô hình giải phẫu tim và cung ĐM chủ, thân ĐM phổi		3	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
70	Mô hình giải phẫu toàn thân đầu, chi trên, chi dưới và phủ tạng tháo rời (não, tim, gan, dạ dày, ruột, dương vật)		3	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
71	Mô hình giải phẫu vùng đáy chậu		4	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2, phụ sản	2, 3		
72	Mô hình Hệ thống thần kinh ngoại biên		3	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
73	Mô hình Hệ tuần hoàn (Circulatory System)		3	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
74	Mô hình hộp sọ trẻ em		3	Cái	Giải phẫu 1, giải phẫu 2, Nhi khoa 1	2, 3		
75	Mô hình Mạch Chi trên		3	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
76	Mô hình Mạch máu não (Situs of the base of the skull)		3	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
77	Mô hình người		3	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
78	Mô hình phổi và thanh quản 7 phần		3	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
79	Mô hình răng cửa, răng nanh, răng cối nhỏ, răng cối lớn (5 răng)		3	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
80	Mô hình thận		3	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
81	Mô hình Thanh quản và khí phế quản		3	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
82	Mô hình thay băng vết thương		4	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2, Điều dưỡng cơ bản	2, 3, 4		
83	Mô hình thiết đồ dọc giữa khung chậu nam		4	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
84	Mô hình thiết đồ dọc giữa khung chậu nữ		4	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
85	Mô hình thiết đồ đứng dọc đầu, cổ và não		4	Cái	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
86	Mô hình thiết đồ đứng dọc mũi, miệng, hầu, thanh quản với mạch máu		4	Cái	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
87	Mô hình tiêm tĩnh mạch cánh tay		8	Cái	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
88	Mô hình toàn thân các nhóm cơ ở nam giới		3	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2, Sức khỏe sinh sản	2, 3, 7		
89	Mô hình trẻ sơ sinh		5	Cái	Giải phẫu 1, giải phẫu 2, Nhi khoa	2, 3, 8		
90	Mô hình tuỷ sống với dây thần kinh		3	Cái	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
91	Mô hình xương chi dưới với xương chậu		3	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
92	Mô hình xương cột sống và xương chậu		3	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		
93	Mô hình xương đòn, bả vai và cánh tay		3	Bộ	Giải phẫu 1, giải phẫu 2,	2, 3		

Danh mục phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ đào tạo ngành Y học dự phòng (Mã ngành: 7720110)

STT	Tên Phòng thí nghiệm	Mã phòng	Diện tích (m2)	Số lượng
1	Phòng thí nghiệm Sinh học và di truyền	E3-01A	144	2
		E3-01B		
2	Phòng thí nghiệm Lý sinh	E4-09	144	2
		E4-10		
3	Phòng thực hành Sinh lý - Sinh lý bệnh miễn dịch	A1-01	140	2
		A1-02		
4	Phòng thí nghiệm Hóa đại cương Vô Cơ	E3-03A	144	2
		E3-03B		
5	Phòng thí nghiệm Hóa hữu cơ	E3-02A	144	2
		E3-02B		
6	Phòng thực hành Hóa sinh	A3-01	140	2
		A3-02		
7	Phòng thực hành Giải phẫu	A1-06	140	2
		A1-07		
8	Phòng thực hành Vi sinh - Ký sinh trùng	A2-01	140	2
		A2-02		
9	Phòng thực hành Dược lý	B1-01	88	2
		B1-03		
10	Phòng thực hành Điều dưỡng cơ bản - Cấp cứu ban đầu	A3-06	84	2
		A3-07		
11	Phòng thực hành Mô phôi - Giải phẫu bệnh	A2-06	140	2

STT	Tên Phòng thí nghiệm	Mã phòng	Diện tích (m ²)	Số lượng
		A2-07		
12	Phòng thí nghiệm Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	B1-08	84	2
		B1-09		
13	Phòng thí nghiệm sức khỏe môi trường và Sức khỏe nghề nghiệp	B1-06	84	1
14	Trung tâm tiền lâm sàng (PTN về hệ nội, ngoại, phụ sản, nhi, hồi sức cấp cứu, điều dưỡng)	BV8-01	144	1

Đại diện trưởng các đơn vị chuyên môn quản lý kê khai (theo từng mẫu trên) ký tên xác nhận

Phòng Tổ chức – Hành chính

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Phòng Quản trị thiết bị

Phòng NCKH - HTQT

TS. Nguyễn Văn Quang

Phòng Quản lý Đào tạo

Thư viện

Khoa Y